



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

16

Tháng 8 - 2011

HỘI NGHỊ BIỂU DƯƠNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG TOÀN QUỐC NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2010

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2011



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu tuyên dương thành tích các cá nhân điển hình tiên tiến toàn quốc ngành Xây dựng năm 2010



Tôn vinh các cá nhân điển hình tiên tiến ngành Xây dựng năm 2010

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

16

SỐ 16 - 8/2011



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 73/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 5
- Nghị định số 74/2011/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản 7
- Chỉ thị số 1315/CT- TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh việc thực hiện hoạt động đấu thầu sử dụng vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu 8
- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy định về thí điểm đấu giá quyền khai thác cát, đất để san lấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam 11
- Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh 12

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
 - + Soát xét tiêu chuẩn TCVN 7959:2008 - Bloc bê tông khí chưng áp (AAC) 16
 - + Chỉ dẫn kỹ thuật : Thi công và nghiệm thu khối xây bê tông khí chưng áp 17
 - + Nghiên cứu chế tạo mẫu chuẩn dạng viên nung sử dụng trong phân tích thành phần hóa học clinker xi măng và xi măng bằng máy huỳnh quang tia X 18
- Hội thảo “Vòng bi TIMKEN trong dây chuyền sản xuất xi măng” 19
- Cọc ván thép và cọc ống thép cho các công trình cảng bằng thép - công nghệ chống ăn mòn 21
- Năng lượng mặt trời và sử dụng năng lượng mặt trời của quốc tế 25
- Kinh nghiệm xây dựng tiết kiệm năng lượng của thành phố Moskva - thủ đô LB Nga 27

Thông tin

- Lãnh đạo Bộ Xây dựng tiếp và làm việc với Thứ trưởng Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản 33
- Hội nghị thẩm định Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2025 34
- Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp số 7 kỷ niệm 45 năm ngày thành lập 35
- Hội thảo góp ý các định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình 38
- Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến công nhân, viên chức, lao động toàn quốc ngành Xây dựng năm 2010 39
- Số phận của những di tích lịch sử văn hóa tại Moskva - những kẻ hở trong luật pháp 40
- Sáng tạo cơ chế quản lý mới, xây dựng đô thị hài hòa 44

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 73/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Ngày 24/8/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2011/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bao gồm quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Theo Nghị định này, hành vi vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại Việt Nam, bao gồm: vi phạm quy định về kiểm toán năng lượng; vi phạm quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, sản xuất nông nghiệp; vi phạm quy định về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; vi phạm quy định về nhân năng lượng; vi phạm quy định về sản xuất, nhập khẩu, lưu thông phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải loại bỏ; vi phạm, cản trở hoạt động công vụ trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Những hành vi hủy hoại nguồn tài nguyên năng lượng quốc gia; giả mạo, gian dối để được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; lợi dụng chức vụ quyền hạn trong quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vì mục đích vụ lợi và các hành vi vi phạm khác thì bị xử lý vi phạm theo các quy định của pháp luật liên quan.

Theo Nghị định này, đối tượng bị xử phạt bao gồm cá nhân, tổ chức trong nước và cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên lãnh thổ Việt Nam.

Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thì bị xử phạt theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện công vụ liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mà có hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thì không xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là 01 năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được phát hiện. Riêng đối với hành vi vi phạm hành chính về sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thì thời hiệu xử phạt là 02 năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được phát hiện. Nếu quá thời hạn nói trên thì không bị xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nếu sau 1 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thì hành quyết định xử phạt mà không tái phạm, thì coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Mỗi hành vi vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính gồm: cảnh cáo; phạt tiền. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung như: tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng; giấy chứng nhận đủ điều kiện là cơ sở đào tạo kiểm toán viên năng lượng, quản lý năng lượng; chứng chỉ quản lý năng lượng, kiểm toán viên năng lượng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Theo Nghị định này, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm vi phạm về kiểm toán năng lượng sẽ bị phạt cảnh cáo đối với hành vi không thực hiện đầy đủ nội dung của báo cáo kiểm toán theo mẫu quy định; phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 70 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định.

Đối với hành vi tổ chức khóa đào tạo cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiểm toán viên năng lượng không bảo đảm điều kiện theo quy định của Bộ Công thương sẽ bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng đối với hành vi vi phạm về đội ngũ giảng viên; phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tài liệu giảng dạy; phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 25 triệu đồng đối với hành vi vi phạm quy định về cơ sở vật chất; phạt tiền từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Đối với hành vi cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng không đúng quy định thì bị xử lý

theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

Tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm toán nếu có hành vi sử dụng chứng chỉ kiểm toán viên giả mạo; cho thuê, cho mượn chứng chỉ kiểm toán viên để thực hiện kiểm toán sẽ bị xử phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

Nghị định quy định xử phạt vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp như sau:

- Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, biện pháp quản lý và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bắt buộc áp dụng quy định tại Điều 24 Nghị định số 21/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đồng thời buộc phải thực hiện đúng các quy chuẩn kỹ thuật, biện pháp quản lý đối với công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định.

- Phạt tiền 100 triệu đồng đối với hành vi cố ý không loại bỏ các tổ máy phát điện có công nghệ lạc hậu, hiệu suất thấp theo lộ trình do Thủ tướng Chính phủ quy định và buộc loại bỏ tổ máy phát điện lạc hậu đó; Phạt tiền 100 triệu đồng đối với hành vi cố ý xây dựng mới tổ máy phát điện có công nghệ lạc hậu, hiệu suất thấp mà Thủ tướng Chính phủ quy định không được xây dựng và tước giấy phép xây dựng đối với hành vi vi phạm.

Trong lĩnh vực chiếu sáng công cộng, phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với hành vi quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng để hệ thống chiếu sáng hoạt động ngoài khung giờ theo mùa, vùng, miền do Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định; phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi sửa chữa, thay thế thiết bị chiếu sáng sử dụng thiết bị chiếu sáng không đúng quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng do Bộ Xây dựng

ban hành; phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi lắp đặt mới hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng thiết bị chiếu sáng không đúng quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng do Bộ Xây dựng ban hành.

Đối với vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng, phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện đúng các quy định về định mức sử dụng năng lượng, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, thi công, sử dụng vật liệu xây dựng nhằm tiết kiệm năng lượng do Bộ Xây

dựng ban hành.

Đối với hành vi phê duyệt cấp giấy phép xây dựng cho công trình không tuân thủ các quy định về định mức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, thi công, sử dụng vật liệu xây dựng nhằm tiết kiệm năng lượng do Bộ Xây dựng ban hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2011.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghị định số 74/2011/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Ngày 25/8/2011 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2011/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí, người nộp phí, mức thu và quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Theo đó, đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định này là dầu thô, khí thiên nhiên, khí than, khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại. Người nộp phí là các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản quy định tại Nghị định này.

Về mức thu phí, Nghị định quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô là 100.000 đồng/tấn; đối với khí thiên nhiên, khí than là 50 đồng/m³. Riêng khí thiên nhiên thu được trong quá trình khai thác dầu thô (khí đồng hành) là 35 đồng/m³.

Đối với việc khai thác khoáng sản kim loại, mức thu phí bảo vệ môi trường từ 20.000đ/tấn đến 270.000đồng/tấn đối với tùy loại khoáng sản, trong đó đối với khai thác các loại quặng vàng, bạch kim, bạc, thiếc, chì, kẽm, cô-ban,

ma-nhê, thủy ngân, vanadi mức thu phí cao nhất là 270.000 đồng/tấn.

Đối với các loại khoáng sản không kim loại, mức phí cao nhất là 90.000đ/m³ đối với đá block.

Căn cứ mức thu phí quy định tại Nghị định này, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, không kể dầu thô và khí thiên nhiên là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản. bao gồm: Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản; khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô và khí thiên nhiên là khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường và Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ

ngày 01/01/2012 và thay thế các Nghị định số 63/2008/NĐ-CP, 82/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Chỉ thị số 1315/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh việc thực hiện hoạt động đấu thầu sử dụng vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu

Ngày 03/8/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 1315/CT-TTg về chấn chỉnh việc thực hiện hoạt động đấu thầu sử dụng vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu.

Chỉ thị nêu rõ, thời gian qua, việc triển khai thực hiện Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 và Luật sửa đổi số 38/2009/QH12, công tác đấu thầu đã đạt được kết quả nhất định. Chủ trương tăng cường phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương kết hợp với công tác hậu kiểm trong lĩnh vực đấu thầu được quán triệt và triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, từng bước khắc phục việc đấu thầu hình thức hoặc các hình thức đấu thầu kém cạnh tranh... Việc thực hiện quy định về đấu thầu đã góp phần quan trọng trong việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Nhà nước, tăng cường tính minh bạch, cạnh tranh của công tác đấu thầu, từ đó nâng cao chất lượng công trình, thiết bị mua sắm và dịch vụ tư vấn. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của công tác đấu thầu năm 2010 còn một số tồn tại như: cơ chế, chính sách liên quan đến đấu thầu được ban hành và hướng dẫn chưa kịp thời; năng lực của chủ đầu tư, bên mời thầu, các tổ chức tư vấn ở một số địa phương còn hạn chế; công tác đào tạo chưa được triển khai toàn diện; chất lượng của một số công việc chuẩn bị cho đấu thầu như công tác lập, trình, phê duyệt kế hoạch đấu thầu chưa bảo đảm và chưa đáp

ứng yêu cầu về chuyên môn, chuyên nghiệp; xu hướng đề nghị áp dụng hình thức chỉ định thầu vẫn còn nhiều, không thực hiện phân cấp theo quy định ...

Để khắc phục những tồn tại, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, hiệu quả của công tác đấu thầu, tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc nghiêm túc thực hiện một số nhiệm vụ bao gồm:

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, thực hiện đúng quy định của Luật Đấu thầu, Luật Sửa đổi, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác đấu thầu của các Bộ, ngành có liên quan; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về đấu thầu và chấp hành nghiêm túc chế độ xử lý vi phạm về đấu thầu; kịp thời kiểm điểm, xử lý nghiêm cá nhân, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định của pháp luật về đấu thầu.

-Thực hiện đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 164/TTg-KTN ngày 10/02/2011 về tình hình thực hiện chỉ định thầu

theo công văn số 229/TTg-KTN ngày 22/6/2009, cụ thể cần tập trung bố trí vốn và chỉ đạo thực hiện dứt điểm đối với các gói thầu, dự án nằm trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng chỉ định thầu và gia hạn sang năm 2011 để đảm bảo hoàn thành trước cuối năm 2011.

- Nghiêm túc thực hiện các quy định về chỉ định thầu được quy định tại Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP. Những gói thầu không thuộc trường hợp được chỉ định thầu cần được tổ chức đấu thầu rộng rãi hoặc các hình thức khác phù hợp theo quy định.

- Chỉ đạo chủ đầu tư, bên mời thầu các dự án sử dụng vốn nhà nước, các cơ quan, đơn vị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về đấu thầu nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án sử dụng vốn nhà nước.

- Chỉ đạo việc tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực cho chủ đầu tư, bên mời thầu để đảm bảo thực hiện tốt phân cấp trong đấu tư xây dựng cơ bản; thực hiện kiểm tra, rà soát điều kiện và năng lực của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án. Nếu không đáp ứng yêu cầu

theo quy định thì không giao quản lý dự án hoặc chuyển đổi chủ đầu tư đủ điều kiện năng lực đảm nhiệm.

- Tăng cường công tác quản lý đấu thầu theo trách nhiệm được phân cấp. Chấn chỉnh và củng cố quản lý đấu thầu theo trách nhiệm được phân cấp. Chấn chỉnh và củng cố đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về đấu thầu, bảo đảm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về đấu thầu tại các Bộ, ngành và địa phương theo phân cấp đã được quy định cụ thể.

- Chấn chỉnh và thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo về đấu thầu, nâng cao chất lượng nội dung báo cáo, số liệu phải đầy đủ và trung thực, thời gian báo cáo tuân thủ theo đúng quy định.

Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát để phát hiện và yêu cầu xử lý kịp thời những vi phạm trong công tác đấu thầu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xử lý nghiêm đối với việc vi phạm pháp luật về đấu thầu trong trường hợp cần thiết.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường

Ngày 18/7/2011, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ

chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến: Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quy định tại Điều 3 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP; Dự án quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP; Dự án, đề xuất hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại Điều 29, Nghị định số 29/2011/NĐ-CP; Dự án được đưa

vào vận hành sau ngày 01/7/2006 đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa được cấp giấy xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Thông tư này không áp dụng đối với việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua tổ chức dịch vụ thẩm định.

Theo Thông tư này, đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược và hình thức thực hiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 và phần C Phụ lục 1 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP tự lựa chọn hình thức thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

Đối tượng đánh giá môi trường chiến lược chi tiết quy định tại phần C Phụ lục I Nghị định số 29/2011/NĐ-CP thực hiện theo hình thức do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo. Trường hợp trong văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không yêu cầu cụ thể về hình thức thực hiện đánh giá môi trường chiến lược chi tiết, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn hình thức thực hiện đánh giá môi trường chiến lược chi tiết.

Cơ quan chủ trì lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (chủ dự án) thuộc đối tượng quy định có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và trình cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định.

Thông tư này quy định cụ thể về các hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược chi tiết dưới hình thức báo cáo riêng, lồng ghép, rút gọn. Trong đó hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược chi tiết dưới hình thức báo cáo riêng, gồm: 01 văn bản đề nghị thẩm định thực hiện theo mẫu quy định; 09 bản báo cáo đánh giá môi trường chiến

lược chi tiết dưới hình thức báo cáo riêng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được đóng thành quyển với hình thức trang bìa, trang phụ bìa và yêu cầu về cấu trúc, nội dung thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 1.2 và 1.3 kèm theo Thông tư này; 09 bản dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn 09 người, hoặc trong trường hợp cần thiết khác theo yêu cầu của công tác thẩm định, chủ dự án cung cấp thêm báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch so với số lượng tài liệu quy định.

Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP. Việc thẩm định thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định.

Cơ quan tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược gửi hồ sơ báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cho cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, gồm: 01 văn bản báo cáo kết quả thẩm định; 01 bản sao văn bản chủ dự án giải trình về việc tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

Cơ quan thẩm định, phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi nhận được hồ sơ báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược có trách nhiệm xem xét toàn diện, khách quan các đề xuất, kiến nghị được nêu trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và việc tiếp thu ý kiến thẩm định của chủ dự án. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên cơ sở xem xét hồ sơ báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

Đối với việc lập lại và thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Thông tư này quy định, dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đi

vào vận hành phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp: thay đổi địa điểm thực hiện dự án hoặc không triển khai thực hiện dự án trong thời gian 36 tháng kể từ thời điểm ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; tăng quy mô, công suất hoặc thay đổi công nghệ làm gia tăng phạm vi gây tác động hoặc làm gia tăng các tác động tiêu cực đến môi trường không do chất thải gây ra hoặc làm gia tăng tổng lượng chất thải hoặc phát sinh các loại chất thải mới, chất thải có thành phần gây ô nhiễm cao hơn so với kết quả tính toán, dự báo trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hội đồng thẩm định) do Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ

quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP quyết định thành lập. Hội đồng thẩm định được thành lập cho từng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, từng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Hội đồng thẩm định có chức năng tư vấn cho thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan tổ chức việc thẩm định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan tổ chức việc thẩm định về tính khách quan, trung thực của các kết luận thẩm định. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai, trực tiếp giữa các thành viên hội đồng thẩm định và giữa hội đồng thẩm định với chủ dự án.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02/9/2011.

(Xem toàn văn tại: www.monre.gov.vn).

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy định về thí điểm đấu giá quyền khai thác cát, đất để san lấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Ngày 15/7/2011, UBND tỉnh Hà Nam đã có Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về thí điểm đấu giá quyền khai thác cát, đất để san lấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Theo Quy định này, việc đấu giá khai thác cát, đất để san lấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam được thực hiện thí điểm theo nguyên tắc đảm bảo đúng trình tự, thủ tục về đấu giá, công khai, liên tục, khách quan, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia. Cuộc đấu giá chỉ được tiến hành khi có từ 02 tổ chức, hộ kinh doanh tham gia trở lên.

Tổ chức, hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản theo quy định của pháp luật được đăng ký tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện: Có đơn đề nghị được tham gia đấu giá theo mẫu do Trung tâm dịch vụ bán đấu giá thuộc Sở Tư pháp phát hành do người đại diện theo pháp luật của tổ chức, hộ kinh doanh ký tên và đóng dấu; Có hồ sơ năng lực tài chính và điều kiện về kỹ thuật, nhân lực đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, hộ kinh doanh đủ điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá được tham dự cuộc đấu giá khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn là người đủ điều kiện tham gia

đấu giá, đã nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước theo quy định. Khi có sự thay đổi về tư cách pháp lý của người đã đăng ký tham gia đấu giá phải nộp bổ sung văn bản, tài liệu có liên quan cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

Các khu vực được tổ chức đấu giá phải không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, phù hợp với Quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt và đã có phương án đấu giá được UBND tỉnh phê duyệt.

Theo Quy định này, việc đấu giá phải được niêm yết, thông báo công khai. Sau khi phương án đấu giá được phê duyệt, trước khi tiến hành đấu giá 30 ngày, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá thuộc Sở Tư pháp phải tiến hành thông báo công khai ít nhất 2 lần, mỗi lần cách nhau 3 ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài phát thanh truyền hình tỉnh Hà Nam, Báo Hà Nam, Website Sở Tư pháp, Website Sở Tài Nguyên và Môi trường; niêm yết công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá, trụ sở của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có vị trí cát, đất đấu giá. Nội dung thông báo gồm: Thông tin về vị trí đấu giá; hiện trạng về cơ sở hạ tầng; trữ lượng đã được phê duyệt; phương án giá và tiền đặt trước; địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá; thời điểm nhận, kết thúc nhận hồ sơ tham gia đấu giá và các vấn đề khác có liên quan.

Người tham gia đấu giá quyền khai thác mỏ phải nộp phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước. Phí tham gia đấu giá được thực hiện theo

quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Khoản tiền đặt trước do tổ chức bán đấu giá và các cơ quan liên quan bán đấu giá quy định từ 1% đến 15% phương án giá đã được phê duyệt. Khoản tiền đặt trước được nộp cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản hoặc thông qua bảo lãnh của tổ chức tín dụng.

Trong trường hợp người tham gia đấu giá đã nộp khoản tiền đặt trước trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước được trừ vào giá trúng đấu giá; nếu không trúng thì khoản tiền đặt trước được trả lại cho người tham gia đấu giá sau khi cuộc bán đấu giá kết thúc.

Trong trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp khoản tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá mà không có lý do chính đáng hoặc vi phạm quy chế bán đấu giá thì không được nhận lại tiền đặt trước, khoản tiền đặt trước đó thuộc về ngân sách nhà nước.

Tổ chức, hộ kinh doanh trúng đấu giá thực hiện theo đúng cam kết khi tham gia đấu giá và hoàn thiện các thủ tục tiếp theo để xin cấp giấy phép gồm: Dự án đầu tư; Thiết kế cơ sở; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Ký hợp đồng thuê đất.

Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả đấu giá và xác nhận nộp đủ tiền theo quy định. Tổ chức, hộ kinh doanh trúng đấu giá hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 12/7/2011, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND quy định về việc lập, thẩm định và phê

duyet quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đó, việc lập, thẩm định và phê duyệt

quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng phải theo trình tự (riêng quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp, không lập nhiệm vụ): Lập nhiệm vụ; Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ; Lập đồ án; Thẩm định, phê duyệt đồ án.

Khi thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, cơ quan thẩm định dự án đầu tư hoặc chủ đầu tư phải lấy ý kiến về bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình của các cơ quan có thẩm quyền.

Việc lập quy hoạch đô thị phải do tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện. Nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận, huyện và đồ án quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị được lập theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 07/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cần kết hợp với nội dung quy hoạch phân khu theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

Nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng cụm, khu công nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Đối với các loại quy hoạch đô thị khác: nội dung nhiệm vụ được thực hiện theo Điều 22, Điều 23 Luật Quy hoạch đô thị; nội dung đồ án được thực hiện theo Điều 15, Điều 17, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

Đối với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận, huyện: nội dung thẩm định và phê duyệt thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP và Thông tư số 07/2008/TT-BXD. Đối với quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp: nội dung thẩm định và phê duyệt thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2008/TT-BXD. Đối với đồ án quy hoạch chung cụm, khu công nghiệp; quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị và các loại quy hoạch đô thị khác: nội dung thẩm định và phê duyệt thực hiện theo Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP

Các thuyết minh, bản vẽ của các đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng phải được ký, đóng dấu của cơ quan thẩm định trước khi cơ quan có thẩm quyền ký phê duyệt.

Đối với các bản vẽ của các đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố do các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị được quy định tại Quyết định này tổ chức lập thì cần có ký, đóng dấu thỏa thuận của các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, trước khi trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và UBND thành phố phê duyệt. Văn bản ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình có đính kèm các bản vẽ có đóng dấu chấp thuận của cơ quan được lấy ý kiến.

Theo Quyết định này, thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chung thành phố từ 20 đến 25 năm, tầm nhìn đến 50 năm. Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố theo thời hạn đồ án quy hoạch chung thành phố. Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chung thị trấn từ 10 -15 năm.

Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch phân khu, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được xác định trên cơ sở thời hạn đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận, huyện hoặc quy hoạch chung thành phố và yêu cầu quản lý, phát triển đô thị. Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chi tiết; bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình; đồ án thiết kế đô thị riêng được xác định trên cơ sở thời hạn đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch phân khu và theo yêu cầu quản lý, nhu cầu đầu tư.

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị.

UBND quận - huyện, phường - xã - thị trấn,

tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng trong việc lấy ý kiến.

Trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch đô thị, tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch đô thị. Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo cấp thẩm quyền xem xét trước khi quyết định phê duyệt.

Việc lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Các Sở, ban, ngành, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án các loại quy hoạch chung được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, chuyển cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị để lập báo cáo về ý kiến của cộng đồng dân cư.

Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch chi tiết cụm - khu công nghiệp và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm lập báo cáo về các ý kiến của cộng đồng dân cư.

Thời gian có ý kiến trả lời hoặc đóng góp ý kiến là ít nhất 15 ngày đối với các Sở, ban, ngành và 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Căn cứ hướng dẫn cụ thể của Bộ Xây dựng,

Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn cụ thể về phạm vi, đối tượng, nội dung lấy ý kiến và thống nhất các loại biểu mẫu phiếu điều tra, phiếu góp ý cho các loại quy hoạch đô thị.

Về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị; có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt: Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị trấn thuộc các huyện ngoại thành; nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung khu công nghiệp (từ 500ha trở lên); đồ án quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp; Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu (trừ khu vực thị trấn thuộc các huyện ngoại thành); nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng các khu vực trong đô thị có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng của thành phố (trừ các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch được quy định tại Quyết định này).

UBND quận phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu thị trấn, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết), sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Ban quản lý các khu chức năng đô thị phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi ranh giới, diện tích được giao quản lý (trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết), sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu vực đã được cấp giấy phép quy hoạch.

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố;

Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố;

Phòng Quản lý đô thị các quận, huyện thẩm định và trình UBND quận, huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND quận, huyện;

Ban quản lý các khu chức năng đô thị tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình;

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng được cấp giấy phép quy hoạch, tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết và trình các cơ quan sau:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định đối với đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố;

- Phòng Quản lý đô thị các quận, huyện thẩm định đối với đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND quận, huyện.

- Ban quản lý các khu chức năng đô thị thẩm định đối với đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban quản lý các khu chức năng đô thị.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Soát xét tiêu chuẩn TCVN 7959:2008 - B্লock bê tông khí chưng áp (AAC)

Ngày 11/8/2011 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả của đề tài "Soát xét tiêu chuẩn TCVN 7959:2008 - B্লock bê tông khí chưng áp (AAC)" do Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện. Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và MT Bộ Xây dựng làm chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, KS. Nguyễn Đình Lợi - Chủ nhiệm đề tài đã báo cáo về dự thảo và thuyết minh soát xét tiêu chuẩn.

Theo báo cáo của đề tài, tiêu chuẩn TCVN 7959:2008 - B্লock bê tông khí chưng áp được ban hành năm 1998 trên cơ sở tiêu chuẩn DIN 4165:1990, khi đó nước ta chưa có nhà máy nào sản xuất loại gạch này. Đến nay, trên cả nước đã có 06 nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp đi vào hoạt động. Sản phẩm của các nhà máy này chỉ đạt hoặc gần đạt cận dưới của TCVN 7959:2008, gây khó khăn cho việc đưa các sản phẩm này vào sử dụng, trong khi đó tiêu chuẩn Mỹ ASTM C 1693-99 và tiêu chuẩn Trung Quốc GB 11968-2006 quy định không quá chặt chẽ như TCVN 7959:2008, đồng thời, TCVN 7959:2008 lại chưa quy định về độ co - là một chỉ tiêu rất quan trọng đối với gạch ACC.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Vật liệu xây dựng chủ trì việc soát xét TCVN 7959:2008 với mục tiêu soát xét những nội dung đã có để phù hợp với tình hình sản xuất, tiêu thụ và hội nhập với các nước trong khu vực, bổ sung những nội dung cần thiết vào tiêu chuẩn.

Trong quá trình soát xét TCVN 7959:2008, nhóm đề tài đã tiến hành thu thập thông tin về



TS. Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu phát biểu kết luận

chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp đang sản xuất gạch ACC ở Việt Nam, tham khảo tài liệu về công nghệ và tính chất sản phẩm trong nước và một số nước khác, tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài về gạch ACC như Tiêu chuẩn Mỹ ASTM -C1693-99, Tiêu chuẩn Đức DIN 4165:1990, Tiêu chuẩn Anh BS-EN 771-4:2003, Tiêu chuẩn Trung Quốc GB 11968-2006, Tiêu chuẩn Nhật JIS A5416-1995, Tiêu chuẩn châu Âu EN 771 -4:2003.

Sau khi nghiên cứu, soát xét, nhóm đề tài đã đề xuất Dự thảo TCVN 7959:2011, với nguyên bố cục của TCVN 7959:2008, đồng thời chỉnh sửa và bổ sung thêm một số nội dung, như độ sai lệch kích thước, quy định về khuyết tật ngoại quan, độ co ngót khô, phương pháp xác định độ co khô...

Góp ý kiến cho dự thảo TCVN 7959:2011, các thành viên Hội đồng đã đánh giá cao kết quả của nhóm đề tài, dự thảo TCVN 7959:2011 đã thể hiện được đầy đủ các nội dung cần thiết theo nhiệm vụ đề ra, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng chỉ ra

một số lỗi biên tập cần chỉnh sửa, đề nghị bổ sung hướng dẫn xác định độ ẩm của mẫu thử trong phần xác định khối lượng thể tích khô (yêu cầu độ ẩm từ 5-15%)...

Phát biểu kết luận, ThS. Trần Đình Thái đề nghị nhóm đề tài tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, bổ sung số liệu cho phần tiêu chuẩn viện dẫn, thống nhất thuật

ngữ, bổ sung dụng cụ tử sấy ... để hoàn thiện Dự thảo TCVN 7959:2011 và làm các thủ tục trình Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường công bố theo quy định.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả đạt loại Xuất sắc.

Minh Tuấn

Chỉ dẫn kỹ thuật : Thi công và nghiệm thu khối xây bê tông khí chưng áp

Ngày 17/8/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài: “Chỉ dẫn kỹ thuật : Thi công và nghiệm thu khối xây bê tông khí chưng áp” của nhóm tác giả nghiên cứu do TS. Nguyễn Hùng Minh - Viện KHCHXD làm chủ nhiệm. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCHN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của chủ nhiệm đề tài, thực hiện chủ trương tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường của nhà nước, trong những năm gần đây, gạch không nung (gạch bê tông khí chưng áp và bê tông bọt) đã được sản xuất và áp dụng phổ biến trong nhiều công trình xây dựng trên khắp nước ta. Từ thực tế đó, yêu cầu đặt ra là cần có những tiêu chuẩn hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu công trình xây bằng loại vật liệu này. Theo Quyết định số 567/QĐ-TTg về chương trình phát triển VLXD không nung đến năm 2020 ban hành ngày 28/4/2010, Bộ Xây dựng đã giao Viện KHCHXD triển khai nghiên cứu đề tài, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn xây dựng của Việt Nam hiện nay. Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn xây dựng TCVN 3121:2003; TCVN 4085:1985; TCVN 4314:2003; TCVN 7572:2006; TCVN 7959:2008. Với các hướng dẫn, quy định về phương pháp lựa chọn VLXD (chọn vữa xây trát, khối bê tông khí chưng áp), thiết bị và dụng cụ thi công, trình tự thi công khối xây bê tông khí chưng áp (các bước vận chuyển và bảo



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

quản, trộn vữa, xây hàng đầu tiên và các hàng tiếp theo, đặt cốt thép trong tường xây, tạo rãnh, tạo khe co giãn...) và các quy định về nghiệm thu, đề tài này được áp dụng cho công tác xây, trát và nghiệm thu các tường xây bằng khối bê tông khí chưng áp.

Tại cuộc họp, các ủy viên phản biện và thành viên của Hội đồng đã nhất trí đánh giá: đề tài được nghiên cứu rất nghiêm túc, chi tiết. Tuy nhiên, để Chỉ dẫn kỹ thuật này cụ thể hơn và có thể áp dụng rộng rãi vào thực tế xây dựng, Hội đồng đã đề nghị nhóm tác giả bổ sung thêm một số hướng dẫn chiều cao tường xây nhằm đảm bảo mức độ an toàn khi xây, đặc biệt đối với các công trình cao tầng; tham khảo thêm các tiêu chuẩn quốc tế, chọn lọc và đưa vào Chỉ dẫn một số chỉ tiêu phù hợp tình hình thực tế của Việt Nam, đồng thời nghiên cứu mở rộng thêm phạm vi áp dụng cho cả bê tông bọt, vì hiện nay ở nước ta sau bê tông khí chưng áp

thì bê tông bọt cũng là VLXD dạng nhẹ được sử dụng khá phổ biến. Hội đồng cũng đề nghị nhóm tác giả đổi tên đề tài thành “Chỉ dẫn kỹ thuật : Thi công và nghiệm thu tường xây bằng bloc bê tông khí chưng áp”.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng – TS. Nguyễn Trung Hoà đã đánh giá cao những cố gắng của nhóm tác giả trong việc nghiên cứu đề tài này. Đề Dự thảo tiêu chuẩn

sớm hoàn thiện, Chủ tịch Hội đồng yêu cầu nhóm tác giả tiếp thu những ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, hoàn chỉnh đề tài trước ngày 15/9/2011 để trình Bộ KH-CN thẩm định và ban hành. Đề tài được nghiệm thu với kết quả Khá.

Lê Minh

Nghiên cứu chế tạo mẫu chuẩn dạng viên nung sử dụng trong phân tích thành phần hóa học clinker xi măng và xi măng bằng máy huỳnh quang tia X

Ngày 18/8/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu chế tạo mẫu chuẩn dạng viên nung sử dụng trong phân tích thành phần hóa học clinker xi măng và xi măng bằng máy huỳnh quang tia X” của nhóm tác giả nghiên cứu do ThS. Lê Thị Hải Yến – Viện VLXD Bộ Xây dựng làm Chủ nhiệm. ThS Trần Đình Thái – Phó Vụ trưởng Vụ KH-CN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của chủ nhiệm đề tài, gần đây, thiết bị huỳnh quang tia X khá phổ biến và đóng vai trò quan trọng trong các bộ phận quản lý chất lượng, đặc biệt tại các đơn vị sản xuất VLXD. Thiết bị này giúp cho công tác định tính, bán định lượng và định lượng thành phần hóa học của nhiều đối tượng khoáng vật silicat, bao gồm trường thạch, đá vôi, fensfard, bột liệu, clinker và xi măng. Để có độ chính xác cao, ngoài bộ mẫu chuẩn năng lượng đi kèm theo máy, thường phải có bộ mẫu chuẩn cùng chủng loại với mẫu phân tích. Khi sử dụng bộ mẫu chuẩn phân tích và lập chuẩn trên thiết bị huỳnh quang tia X, thời gian phân tích mẫu được rút ngắn đáng kể, với độ chính xác cao, độ lặp lại tốt. Mẫu chuẩn có 2 dạng – bột ép và nung chảy, tùy thuộc vào cách chuẩn bị mẫu phân tích. Tại Việt Nam, trong hầu hết các đơn vị có thiết bị đều sử dụng phương pháp chuẩn



Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - ThS. Trần Đình Thái phát biểu kết luận

bị mẫu dạng ép viên, vì vậy các mẫu chuẩn dạng bột là dạng mẫu chuẩn phù hợp nhất. Tuy nhiên, các mẫu chuẩn dạng bột thường phải đặt hàng tại nước ngoài với giá thành khá cao, hạn chế về chủng loại, khó bảo quản, nhất là các mẫu clinker và xi măng. Đề tài đã đề xuất phương án khắc phục khó khăn chung về mẫu chuẩn cho hệ clinker và xi măng, thực hiện mục tiêu nghiên cứu chính là chế tạo thử nghiệm mẫu chuẩn dạng viên nung dùng cho phân tích thành phần hóa học clinker và xi măng bằng thiết bị huỳnh quang tia X, có thời gian sử dụng kéo dài, mà vẫn đảm bảo độ chính xác khi phân tích mẫu dạng viên nén trên đường chuẩn được xây dựng và chỉnh trời từ các viên mẫu dạng nung. So với cách thức chế tạo mẫu chuẩn từ

các ô xít hoặc hợp chất, việc chế tạo mẫu chuẩn dùng cho hệ clinker xi măng từ các mẫu bột có thành phần đã chuẩn hóa không chỉ thể hiện các ưu điểm vượt trội trong việc giảm tối đa các vết rỗ, rỗng, đảm bảo viên nung có chất lượng bề mặt đáp ứng yêu cầu của phép phân tích huỳnh quang tia X, mà còn có tính tiện dụng cao khi đơn vị có nhu cầu sử dụng cả 2 dạng bột và nung.

Tại cuộc họp, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá: những nghiên cứu của nhóm tác giả rất giá trị, cơ sở khoa học thuyết phục và phương pháp thực hiện tốt. Kết quả mà nhóm đề tài thu được – chế tạo thành công mẫu chuẩn dạng viên nung từ các mẫu bột đã chuẩn hóa thành phần; đề xuất được những phương án sử dụng hiệu quả đường chuẩn được lập từ viên nung để phân tích mẫu bột ép và kiểm chứng thực tế –

có tiềm năng triển khai ứng dụng rất lớn tại các cơ sở sản xuất VLXD. Hội đồng cũng đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu bổ sung quy trình công nghệ chế tạo mẫu chuẩn (hoặc là hướng dẫn kỹ thuật), và ý kiến của các cơ sở đã ứng dụng những nghiên cứu này vào thực tế sản xuất, để đưa ra được đánh giá khách quan và đúng đắn nhất về tính hiệu quả của đề tài.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng – ThS. Trần Đình Thái đánh giá cao những nỗ lực của nhóm tác giả trong việc nghiên cứu đề tài, đồng thời yêu cầu nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng, hoàn chỉnh các tài liệu để trình Bộ KHCN thẩm định trong thời gian sớm nhất.

Đề tài được nghiệm thu với kết quả Xuất sắc.

Lê Minh

Hội thảo “Vòng bi TIMKEN trong dây chuyền sản xuất xi măng”

Ngày 24/8/2011 tại Hà Nội, Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM) đã phối hợp với Công ty Timken (Mỹ) tổ chức Hội thảo “Vòng bi Timken trong dây chuyền sản xuất xi măng” nhằm giới thiệu với các nhà quản lý, các chuyên gia và các doanh nghiệp xi măng nước ta về các sản phẩm vòng bi và dịch vụ của Công ty Timken.

Tham dự Hội thảo có ông Lý Tân Huệ - Phó Tổng giám đốc VICEM, ông Sudesh Kumar - Giám đốc kinh doanh và tiếp thị khu vực Đông Nam Á, Trung Đông, Nhật Bản và Hàn Quốc của Cty Timken, đại diện lãnh đạo các phòng ban chức năng của VICEM, các doanh nghiệp sản xuất xi măng thuộc VICEM và tại các địa phương; các chuyên gia quản lý chất lượng, dịch vụ kỹ thuật, kinh doanh của Timken tại khu vực châu Á và Đông Nam Á.

Cty Timken thành lập vào năm 1899 tại St. Louis (Mỹ), có trụ sở tại Canton bang Ohio,

hiện là nhà sản xuất vòng bi kỹ thuật cao, thép hợp kim, các loại thép đặc biệt, đồng thời cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan. Cty tham gia nhiều ngành công nghiệp được chia ra 3 nhóm chính là: Nhóm ngành xe hơi (xe chở khách, xe tải hạng nhẹ và nặng, rơ moóc,...; Nhóm ngành công nghiệp truyền động lực, xây dựng, mỏ, cán thép, điện, đường sắt, hàng không; Nhóm ngành sản xuất thép (sản xuất hợp kim, thép kỹ thuật đặc biệt, thép cho công nghiệp máy chính xác. Hiện nay Timken là một Cty đa quốc gia có sản phẩm tham gia thị trường tại 26 quốc gia ở Bắc Mỹ, châu Âu và châu Á. Chiến lược phát triển xác định việc mở rộng hoạt động theo nguyên tắc Chọn lọc, có nghĩa là xây dựng các trung tâm thực hiện các công tác nghiên cứu, đổi mới công nghệ phục vụ việc cung cấp sản phẩm được bản địa hoá ở các khu vực trọng tâm mở rộng thị trường mà trong thời gian tới sẽ là châu Á và Mỹ La tinh.

Có mặt tại Việt Nam từ năm 2010 nhưng các sản phẩm của Cty đã có mặt tại các nhà máy ở Việt Nam từ trước đó. Vòng bi Timken đã được sử dụng trong các máy nghiền của các công ty FL Smidth, Loesch trong các dây chuyền sản xuất xi măng tại một số nhà máy như xi măng Hoàng Thạch, Holcim, Hải Phòng và Cẩm Phả.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Tổng giám đốc VICEM Lý Tân Huệ cho rằng, Cty Timken là một công ty hàng đầu trong việc cung cấp các giải pháp giảm ma sát và chuyển năng lượng trong những lĩnh vực đa dạng như hàng không vũ trụ, khai thác mỏ, điện, đường sắt, xây dựng, sản xuất xi măng,... Cty Timken mang đến Hội thảo những thông tin chi tiết hơn về các sản phẩm vòng bi với những tính năng đặc biệt.

Sự hoạt động tin cậy của vòng bi được quyết định bởi chất lượng vật liệu chế tạo. Trên cơ sở kinh nghiệm trên 80 năm sản xuất thép, Cty Timken đã nghiên cứu phát triển các loại thép đặc biệt cho chế tạo vòng bi với các đặc tính cơ, lý, hoá giúp giảm đến mức nhỏ nhất ảnh hưởng của bụi trong môi trường sản xuất xi măng. Điều đó đã giúp Timken thành công trong thiết kế và chế tạo các loại vòng bi chống bụi ứng dụng trong môi trường sản xuất xi măng.

Có thể nêu ra một số loại vòng bi do Timken thiết kế, chế tạo và cung cấp cho ngành xi măng là: Vòng bi tang trống kết hợp gối đỡ cho lò quay; bi cầu đường kính lớn, vòng bi nón, vòng bi đĩa, vòng bi nón ti cho máy nghiền đứng con lăn; vòng bi tang trống được thiết kế chịu tải trọng cao cho máy nghiền ép thuỷ lực; vòng bi tang trống cho máy nghiền bi; vòng bi nón cho hộp số;...

Giải pháp sửa chữa vòng bi kích thước lớn trong sản xuất xi măng do Timken đưa ra đã góp phần quan trọng cho việc tiết kiệm chi phí nhờ tránh được việc thay mới. Chương trình sửa chữa vòng bi được thực hiện đối với tất cả các loại vòng bi kích thước lên tới 2.134 mm và có thể phục hồi hoàn toàn các tiêu chuẩn kỹ thuật cho vòng bi nguyên bản.

Chương trình bảo dưỡng và cung cấp thiết bị toàn diện (CSMC) do Timken thực hiện cũng nhằm sửa chữa vòng bi ngay tại nhà máy mà không phải thay mới. Theo đó, Timken tổ chức workshop ngay tại nhà máy có nhu cầu sửa chữa vòng bi sau đó tiến hành các công việc tháo - kiểm tra - phục hồi vòng bi - kiểm tra siêu âm - thực hiện các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng nâng cao độ tin cậy. Công tác sửa chữa, phục hồi được thực hiện trong thời gian ngắn, bằng các dụng cụ thích hợp, quy trình hợp lý. Chương trình CSMC còn nhằm cung cấp các loại vòng bi, vật liệu bôi trơn cũng như các loại thiết bị, dụng cụ phục vụ việc bảo trì (thiết bị cào, gia nhiệt, theo dõi giám sát tình trạng thiết bị,...).

Đối với máy nghiền đứng con lăn, Timken cung cấp giải pháp biên dạng hợp lý giúp đồng dạng hoá ứng suất và duy trì màng dầu bôi trơn nhằm chống hỏng vòng bi do quá tải, do lắp đặt không bảo đảm sự chuẩn xác khi con lăn làm việc với tốc độ vòng quay thấp.

Hệ thống giám sát tình trạng thiết bị của nhà máy xi măng cung cấp cho khách hàng giải pháp tổng thể cải thiện năng lực làm việc của toàn hệ thống. Hệ thống giám sát có chức năng đánh giá điều kiện làm việc của vòng bi, chất lượng mỡ bôi trơn, sự rung động của máy qua đó xác định chính xác các nguy cơ tiềm ẩn của các sự cố có thể xảy ra và đề ra biện pháp khắc phục trước khi máy hỏng.

Các dịch vụ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy xi măng bao gồm: Dịch vụ chẩn đoán (phòng chống dừng máy, các sự cố nghiêm trọng,...); phân tích rung động (phát hiện hỏng vòng bi, bánh răng, mất cân bằng động,...); quang phổ nhiệt (kỹ thuật đo lường không tiếp xúc xác định sự thay đổi của nhiệt độ tại các bộ phận của máy); phân tích dầu bôi trơn và mạt; giám sát trực tuyến; siêu âm tại chỗ; nội soi; cân bằng động và đồng tâm đồng phẳng,...

Huỳnh Phước

Cọc ván thép và cọc ống thép cho các công trình cảng bằng thép - công nghệ chống ăn mòn

Các công nghệ chống ăn mòn ở Nhật Bản đã có lịch sử trên 50 năm. Do đó, những công nghệ này đã được phát triển đến trình độ cao, giúp cho việc bảo vệ các kết cấu thép cảng biển khá hoàn thiện. Ngoài ra, các điều kiện ảnh hưởng đến việc áp dụng công nghệ chống ăn mòn là khác nhau ở mỗi nước, nên những phương pháp được sử dụng cũng khác nhau. Tuy nhiên, kinh nghiệm phong phú của Nhật Bản trong lĩnh vực này có thể rất hữu ích đối với nhiều nước.

Các công trình cảng bằng thép ở Nhật Bản

Công trình cảng bằng thép lâu đời nhất ở Nhật Bản là một cầu tàu sử dụng cọc vít bằng thép ở cảng Kobe được xây dựng từ năm 1876, tiếp theo là các cảng Yokohama, Nagoya, Osaka và Tsuruga. Vào nửa cuối kỷ nguyên Taisho (1912-1926), cọc ván thép được nhập khẩu để sửa chữa những hư hỏng do trận động đất Kanto Lớn gây ra. Bến neo kiểu cọc ván thép đầu tiên được xây dựng ở Nhật Bản vào năm 1926 tại cảng Osaka.

Bước vào kỷ nguyên Showa (1926-1989), nhập khẩu cọc ván thép tăng, ước tính khoảng 25.000 - 35.000 tấn mỗi năm. Năm 1929, nhà máy kết cấu thép Yawata - một doanh nghiệp quốc doanh của Nhật Bản - đã tiến hành sản xuất thử nghiệm cọc ván thép, sau đó đi vào sản xuất đại trà vào năm 1930. Năm 1931, tại công trình cảng Miyako, các cọc ván thép đầu tiên chế tạo trong nước được áp dụng. Trong thời kỳ hậu chiến, cọc ván thép chủ yếu được sử dụng để làm các công trình cảng. Việc dùng cọc cho kết cấu nền móng cầu tàu được nhân rộng sau khi cảng Shiogama được xây dựng xong vào năm 1954. Bến neo kiểu ô lưới đầu tiên sử dụng cọc ván thép được xây dựng ở cảng Shiogama (1954-1959), theo sau là các

cảng Tobata, Nagoya, Naoetsu, Aomori và Yokohama.

Bước vào thập niên 1960, cầu tàu cọc ván thép đã được phát triển và ngày càng được sử dụng phổ biến cho các bến neo tải trọng lớn ở các cảng. Cầu tàu Yamashita ở cảng Yokohama và cầu tàu Maya ở cảng Kobe là các công trình điển hình.

Thời gian gần đây, các kết cấu thép kiểu giàn ngày càng trở nên phổ biến và ứng dụng tại nhiều công trình cảng. Bến cảng công-ten-nơ và đường băng D của Sân bay quốc tế Tokyo là những ví dụ tiêu biểu.

Các đặc điểm của công trình cảng bằng thép

Ngày nay, gần một nửa số bến neo ở Nhật Bản được xây dựng từ các sản phẩm thép. Đó là một đặc điểm đặc trưng của các cảng ở Nhật Bản. Có một số lý do chính cho việc sử dụng nhiều sản phẩm thép ở Nhật Bản đó là sự phát triển của ngành công nghiệp thép Nhật Bản vốn được coi là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển kinh tế nhanh chóng của đất nước Nhật Bản trong thập niên 1960. Sự phát triển này đòi hỏi các công trình cảng phải được cải tạo nhanh chóng nên khả năng thi công nhanh cũng là lý do của việc sử dụng phổ biến kết cấu thép ở các cảng. Tổng chiều dài các bến neo sử dụng kết cấu thép ở Nhật Bản vào khoảng 490km. Tại cảng Tokyo, tỷ lệ kết cấu thép cho cảng và công trình phụ trợ (kể cả đê chắn sóng) tăng lên nhanh chóng. Trong tổng chiều dài trên 200km cảng và các công trình phụ trợ, các công trình bằng kết cấu thép chiếm trên 150km.

Bến neo kiểu cọc ván thép

Bến neo kiểu cọc ván thép được thi công bằng cách đóng cọc ván thép xuống đất để tạo nên một bức tường chắn đất. Bến neo kiểu cọc ván thép thông dụng nhất sử dụng thanh giằng

để nối tường cọc ván thép với kết cấu chống (cọc ống thép, cọc ván, thép hình...) được đặt bên trong tường. Tùy thuộc vào mức độ tải trọng chống đỡ, người ta sử dụng hai loại cọc làm tường cọc là cọc ván thép chữ U và cọc ống thép có các mối nối liên kết. Trong trường hợp tải trọng nhỏ, ví dụ như trong cảng nước nông, có thể áp dụng kết cấu tường tự chống mà không cần kết cấu chống và thanh giằng. Thậm chí cả khi sử dụng cọc ván thép hoặc cọc ống thép thì mặt trước của tường cọc vẫn phải tiếp xúc với môi trường biển có tính ăn mòn cao.

Bến neo kiểu trụ

Các bến neo kiểu trụ được xây dựng bằng cách đặt phần kết cấu trên lên các phần tử cột. Loại bến này gồm một trụ, thường là bằng thép, đặt phía trước bến và một kết cấu chắn đất ở phía sau. Các dầm bê tông cốt thép hoặc đúc sẵn và các tấm sàn được lắp dựng lên phần kết cấu trên. Trong các công trình cảng, kết cấu trên bằng bê tông cốt thép là nơi các hư hỏng kết cấu do phá hoại do muối thường xuất hiện nhất.

Các đặc điểm của việc chống ăn mòn trong môi trường biển

Môi trường làm việc của các công trình cảng bằng thép có thể được phân chia thành 5 vùng, gồm: vùng khí quyển, vùng bắn nước, vùng thủy triều, vùng ngập nước và vùng ngập bùn. Đối với các sản phẩm thép dài như cọc bán thép và cọc ống thép đi qua nhiều môi trường (vùng thủy triều, vùng ngập nước, vùng ngập bùn), thì các mức độ ăn mòn có thể khác nhau trong các môi trường sử dụng. Khu vực bị hư hỏng do ăn mòn của các kết cấu thép không được bảo vệ thường nằm trong vùng bắn nước hoặc ngay sát bên dưới mực nước thấp trung bình.

Vùng khí quyển

Trong hầu hết trường hợp, tốc độ ăn mòn (tổn thất do ăn mòn) cho các kết cấu thép thường vào khoảng 0,1mm/năm.

Vùng bắn nước

Trong vùng bắn nước, kết cấu thường xuyên phải chịu nước biển bắn lên và do đó một lượng

lớn nước biển và ô xy có thể bám lên trên bề mặt thép. Do đó, vùng bắn nước là môi trường ăn mòn lớn nhất. Thông thường, tốc độ ăn mòn vào khoảng 0,3mm mỗi năm. Theo các kết quả khảo sát tại khu vực Okinawa, có những trường hợp tốc độ ăn mòn đạt tới 0,5 đến 0,6mm/năm do hậu quả của nhiệt độ cao và độ ẩm lớn.

Vùng thủy triều

Vùng thủy triều là khu vực kết cấu bị ngập theo chu kỳ trong nước biển và phơi trong không khí do hoạt động của thủy triều. Trong vùng này tốc độ ăn mòn ở khu vực xung quanh mực nước biển trung bình là nhỏ những ở khu vực ngay bên dưới mực nước thấp trung bình lại cao hơn đáng kể. Nguyên nhân của hiện tượng này là do sự hình thành của một quả pin lớn với cực dương nằm quanh mực nước biển trung bình (nơi có mức độ tập trung ô xy hòa tan cao) và cực âm nằm ngay dưới mực nước thấp trung bình (mức độ tập trung ô xy hòa tan thấp). Có những trường hợp tốc độ ăn mòn ở vùng lân cận ngay dưới mực nước thấp trung bình đạt bằng tốc độ ăn mòn của vùng bắn nước. Hiện tượng này gọi là "sự ăn mòn tập trung" và đã gây sụp đổ một số công trình cảng bằng thép.

Vùng ngập nước và vùng ngập bùn

Sự ăn mòn trong vùng ngập nước gần như đồng đều. Tốc độ ăn mòn ở độ sâu âm 1m trở xuống là khoảng 0,1 đến 0,2mm/năm. Trong vùng ngập bùn vì lượng oxy giảm thấp hơn vùng ngập nước nên tốc độ ăn mòn nhỏ hơn, khoảng 0,03 đến 0,05mm/năm.

Các công nghệ bảo vệ ăn mòn cho công trình cảng bằng thép

Khái niệm thông dụng nhất về bảo vệ ăn mòn trước đây là "cho phép ăn mòn". Theo đó, chiều dày của sản phẩm thép được tăng lên một phần để dự trữ cho phần tổn thất do ăn mòn gây ra. Phương pháp bảo vệ ca-tốt lần đầu tiên được áp dụng vào năm 1953 cho công trình cảng bằng thép đó là cảng Amagasaki được thiết kế hệ thống a-nốt bằng hợp kim magie. Việc bảo vệ sử dụng hệ thống nguồn điện ngoài.

Bước vào thập niên 1960, nhiều công trình cảng đã được bố trí hệ thống bảo vệ ca-tốt (hệ nguồn dòng điện ngoài). Trong giai đoạn từ 1960 - 1970, sơn dầu và sơn nhựa epoxy bitum được phát triển và sử dụng nhiều để bảo vệ ăn mòn cho các vùng phía trên vùng ngập nước. Trong việc bảo vệ ăn mòn bằng sơn phủ, một loại sơn giàu kẽm đã được phát triển và được sử dụng như một lớp lót cho lớp phủ nhựa epoxy bitum. Ngoài ra còn có các biện pháp bao phủ phần trên của cọc ống thép bằng bê tông để bảo vệ ăn mòn cho các kết cấu thép nằm trên mực nước biển là khu vực mà phương pháp bảo vệ ca-tốt không hiệu quả. Khoảng năm 1970, sơn cao su clorit được phát triển và sau đó sơn urethane ra đời năm 1972. Trong phương pháp bảo vệ ca-tốt, các a-nốt hợp kim nhôm tính năng cao được phát triển và được ứng dụng đại trà. Khoảng năm 1970, công nghệ hàn dưới nước được phát triển đã giúp làm giảm thời gian thi công và tăng độ an toàn khi lắp đặt các a-nốt hợp kim nhôm.

Vào năm 1980, có nhiều phương pháp bảo vệ ăn mòn sử dụng lớp phủ, sơn phủ có độ bền cao được phát triển, trong đó có phương pháp bọc vữa xi măng (FRP), phương pháp phủ mỡ dầu mỏ và phương pháp phủ kiểu cứng hóa dưới nước. Đến năm 1982, lớp phủ polyetylen và polyurethane (còn được gọi là phương pháp bảo vệ ăn mòn công suất lớn) được phát triển. Trong hệ sơn phủ, sơn nhựa epoxy siêu nặng/dày và sơn nhựa flo có sức kháng thời tiết cao cũng được phát triển. Tuy nhiên trong thời kỳ này, các hệ thống bảo vệ ăn mòn nói trên chưa được áp dụng bắt buộc đối với các công trình cảng, mà hệ thống "cho phép ăn mòn" vẫn được duy trì. Do đó, vào năm 1983, một tai nạn đã xảy ra tại cảng Yokohama liên quan đến sự lún của một công trình cảng. Sau tai nạn này, quy định về bảo vệ ca-tốt được ban hành năm 1984 được xem là phương pháp tiêu chuẩn để bảo vệ ăn mòn cho các kết cấu thép hiện hữu trong vùng ngập nước và ngập bùn, và phương

pháp bảo vệ bằng lớp phủ, sơn phủ là phương pháp tiêu chuẩn để bảo vệ ăn mòn cho các kết cấu thép trong các vùng bắn nước, thủy triều và khí quyển.

Trong cùng thời kỳ này, việc sử dụng titan làm vật liệu chống ăn mòn bắt đầu được triển khai trong thực tế dưới dạng lớp sơn phủ titan cho các tấm thép làm lớp chống rỉ. Vật liệu titan được ứng dụng cho các công trình thực tế như trụ cầu của Đường cao tốc xuyên vịnh Tokyo (độ sâu ngập nước từ -2 đến + 3m) và Cầu Yumemai (cầu quay). Các lớp phủ thép không rỉ chống nước biển đã được áp dụng để chống ăn mòn cho các bến kiểu giàn khi nâng cấp cảng Ooi (chiều sâu nước từ - 1m trở lên).

Từ tháng 4/1999, sau khi Tiêu chuẩn kỹ thuật của cảng và công trình cảng được ban hành thì các phương pháp bảo vệ ăn mòn dựa trên sự cho phép ăn mòn chính thức được chấm dứt sử dụng và bắt buộc áp dụng phương pháp bảo vệ ca-tốt cho các vùng thấp hơn mực nước thủy triều trung bình và phương pháp lớp phủ/sơn phủ cho tất cả các vùng từ 1m dưới mực nước thủy triều trung bình trở lên.

Khái niệm về phương pháp bảo vệ ăn mòn tiêu chuẩn

Liên quan đến hiện tượng ăn mòn tập trung xuất hiện ở khu vực lân cận bên dưới mực nước thấp trung bình, ta rất khó để quan sát được bằng mắt thường và khó tiến hành sửa chữa chúng bằng các lớp phủ, vì thế cần phải thực hiện các biện pháp thích hợp. Có 3 hệ thống bảo vệ ăn mòn tiêu chuẩn đã được xây dựng để xử lý sự ăn mòn tập trung, bao gồm:

(A): Phương pháp này áp dụng bảo vệ ăn mòn lớp phủ/sơn phủ cho phần trên mực nước thấp - 1m và bảo vệ ca -tốt cho phần bên dưới mực nước thấp trung bình. Đây là phương pháp được áp dụng phổ biến nhất

(B): Phương pháp này áp dụng bảo vệ ăn mòn lớp phủ/sơn phủ của phương pháp (A) cho các phần sâu dưới đáy biển. Đây là phương pháp kinh tế và hiệu quả nhất khi cần mật độ

dòng điện bảo vệ ăn mòn lớn của bảo vệ ca-tốt trong các biển mở và trong các khu vực chịu dòng thủy triều lớn. Phương pháp (B) đã được áp dụng cho nhiều nhịp cầu lớn và cửa xả.

(C): Phương pháp này áp dụng bảo vệ ăn mòn lớp phủ/sơn phủ cho các phần của vùng bắn nước là nơi xuất hiện ăn mòn nghiêm trọng nhất, vùng thủy triều, vùng ngập nước và vùng ngập bùn. Nói chung, phương pháp này áp dụng cho các tường ngăn bằng cọc ván thép được lắp dựng ở các khu vực nước nông. Khi đó, phương pháp lớp phủ/sơn phủ có khả năng bảo vệ hiệu quả và lâu bền. Thông thường, các lớp phủ polyetylen và uretan đàn hồi được dùng cho các kết cấu lắp dựng mới và lớp phủ mỡ dầu mỏ và lớp phủ vữa cho các kết cấu hiện hữu. Chiều sâu áp dụng của phương pháp lớp phủ/sơn phủ là đến mực nước GL - 1m và không áp dụng cho vùng ngập bùn từ mực nước GL -1m trở xuống. Khi đó cần phải sử dụng sản phẩm thép có chiều dày cần thiết lớn hơn để dự trữ cho mất mát do ăn mòn ở vùng biển tương ứng.

Vật liệu dùng cho bảo vệ ăn mòn lớp phủ/sơn phủ

Có 5 phương pháp bảo vệ ăn mòn lớp phủ/sơn phủ được áp dụng cho các công trình cảng bằng thép là lớp phủ, sơn phủ hữu cơ, sơn phủ mỡ dầu mỏ, phủ vữa và phủ kim loại.

Hệ lớp phủ tiêu biểu sử dụng loại sơn giàu kẽm dạng màng dày/mỏng cộng với sơn nhựa epoxy. Sơn phủ hữu cơ có khả năng chống ăn mòn cao hơn. Sơn phủ hữu cơ được áp dụng cho các công trình cảng bằng thép thường là sơn polyetylen, sơn phủ urethane đàn hồi, sơn phủ dạng màng siêu dày/mỏng và sơn phủ dưới nước. Sơn phủ dưới nước có hai dạng là dạng ma-tit có vật liệu sơn ở trạng thái giống ma-tit được sơn thủ công và dạng sơn sử dụng ống lăn sơn và chổi sơn. Một trong những đặc điểm của hệ sơn dưới nước là có thể sơn được các kết cấu có hình dáng phức tạp ví dụ như các phần nối nối giữa các cọc ván thép.

Hệ sơn phủ mỡ dầu mỏ có nhiều ứng dụng

được ghi nhận và là phương pháp bảo vệ ăn mòn hiệu quả đối với các công trình cảng bằng thép. Trong hệ thống này, lớp sơn phủ kiểu mỡ dầu mỏ được dính chặt trên bề mặt sản phẩm thép được bảo vệ bởi lớp bọc nhựa gia cường, không gia cường hoặc lớp bọc kim loại chống ăn mòn. Có những trường hợp vật liệu đệm được chèn vào giữa vật liệu mỡ dầu mỏ và lớp bọc. Hệ thống kết hợp này phù hợp để sử dụng dưới nước, dễ áp dụng cho các bề mặt trượt và không cần công đoạn dưỡng hộ sau khi sơn phủ.

Phủ vữa là phương pháp bảo vệ ăn mòn nhờ sự hình thành một màng trơ dày trên bề mặt sản phẩm thép do sử dụng toàn phần chất alkalin trong xi măng. Vì lớp phủ này đi với bê tông nên thường được gọi là phủ vữa. Phủ vữa đã được áp dụng để bảo vệ ăn mòn cho các công trình cảng bằng thép. Khi hư hỏng hình thành dưới dạng nứt vỡ, bong tróc, hình thành sự tập trung hóa của vữa phủ, khả năng chống ăn mòn của lớp phủ bị mất. Để xử lý hiện tượng này, nhiều biện pháp được áp dụng như tăng chiều dày lớp phủ, trộn sợi polime hữu cơ và sợi thép, lớp phủ bề mặt và sử dụng thiết bị bảo vệ như khuôn thép và khuôn composit

Lớp phủ kim loại có ưu điểm nổi trội về khả năng chịu va đập và chống mài mòn, và có khả năng chống ăn mòn cao. Thép không gỉ và titan được sử dụng làm các vật liệu phủ kim loại.

Bảo vệ ca-tốt

- Nguyên lý: Trong hệ thống bảo vệ ca-tốt, dòng trực tiếp lớn hơn dòng ăn mòn từ sản phẩm thép vào môi trường điện phân (nước biển) là dòng liên tục từ một nguồn bên ngoài vào sản phẩm thép để chống lại sự ion hóa (ăn mòn) trong sản phẩm thép. Có hai dạng bảo vệ ca-tốt: hệ dòng ngoài và hệ a-nốt hy sinh. Trong hệ a-nốt hy sinh, các vật liệu kim loại có xu hướng ion hóa lớn/nhỏ và hoặc cao/thấp như nhôm, kẽm ...được gắn vào thép và bị ion hóa (ăn mòn) thay cho thép để bảo vệ sản phẩm thép không bị ăn mòn.

- Ứng dụng: Phạm vi ứng dụng phương pháp

bảo vệ ca-tốt là phần tử mực nước thấp trung bình trở xuống. Đây là phương pháp hiệu quả để bảo vệ ăn mòn tập trung xuất hiện trong các sản phẩm thép ở vùng ngay phía dưới mực nước thấp trung bình, trong đó hệ a-nốt hy sinh sử dụng các a-nốt bằng hợp kim nhôm thường được sử dụng nhiều nhất nhờ những ưu điểm như không cần sử dụng nguồn dòng khi hệ đã được lắp đặt (trái với hệ nguồn dòng bên ngoài), không cần tiêu hao năng lượng và khả năng kiểm tra, bảo dưỡng nhờ việc đo đạc định kỳ điện thế.

Tương lai của thiết kế và bảo dưỡng theo sự làm việc của công nghệ bảo vệ ăn mòn

Nhìn chung, trong lịch sử công nghệ bảo vệ ăn mòn ở Nhật Bản, trong thập niên 1980 "lý thuyết cho phép ăn mòn" đã bị xóa bỏ và "các phương pháp bảo vệ ăn mòn" như bảo vệ ca-tốt và bảo vệ lớp phủ/sơn phủ được thiết lập. Trong những năm 2000, nội dung chính của quản lý công trình hạ tầng chuyển từ xây dựng mới sang sửa chữa, bảo trì các công trình hiện hữu và hệ thống thiết kế cũng chuyển dần sang phương pháp theo sự làm việc. Định nghĩa về sự hoạt động của hệ thống bảo vệ ăn mòn là "trong tuổi thọ khai thác thiết kế, không cho

thép bị ăn mòn (rỉ)".

Tuổi thọ khai thác thiết kế của các công trình bằng thép nói chung hầu hết là 50 năm, trừ đường băng mới của sân bay Haneda được thiết kế cho 100 năm. Ở điều kiện công nghệ hiện tại, 50 năm là tuổi thọ cao nhất trong khi thông thường 20 năm hoặc 30 năm là mức độ dự kiến. Điều này có nghĩa là cần có hệ thống bảo dưỡng phù hợp để đạt được tuổi thọ lớn hơn 50 năm cho các công trình hàng hải bằng thép. Trong thập kỷ này, những tranh luận chủ yếu tập trung vào hệ thống bảo dưỡng các công trình cảng bằng bê tông (cốt thép, thép dự ứng lực và thép - bê tông hỗn hợp) và bằng thép (cọc ván thép, cọc ống thép, giàn thép). Ở thời điểm năm 2011 hiện nay, công nghệ bảo vệ ăn mòn khá phát triển ở một số mức độ nhưng trong tương lai cần nâng cấp và thiết lập hệ thống thiết kế hướng hoạt động và cho hệ thống bảo vệ ăn mòn, hệ thống bảo dưỡng cấp độ cao.

**Hidenori Hamada - Toru Yamaji -
Yoshikazu Akira**

*Nguồn: Tạp chí "Steel Construction -
Today and Tomorrow" số 33/2011*

ND: Minh Tuấn

Năng lượng mặt trời và sử dụng năng lượng mặt trời của quốc tế

Năng lượng mặt trời thực sự là nguồn năng lượng sạch vô tận. Cùng với năng lượng truyền thống ngày càng ít đi và khan hiếm, trình độ khoa học kỹ thuật của nhân loại không ngừng nâng cao, năng lượng mặt trời trở thành một loại năng lượng mới được các nước trên thế giới quan tâm và sử dụng rộng rãi. Bài viết này so sánh trữ lượng năng lượng mặt trời, tình hình phát triển xây dựng nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời, cơ chế và chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời của các nước trên thế giới với tình hình hữu quan của Trung Quốc.

Qua đó, nêu một vài kiến nghị kỹ thuật.

I. Tình hình sử dụng năng lượng mặt trời ở nước ngoài

Do vĩ độ, các mùa trong năm, thời gian chiếu sáng trong một ngày khác nhau, phân bố bức xạ mặt trời ở các nước trên thế giới cũng khác nhau. Căn cứ vào sự phân bố theo vị trí địa lý của bức xạ mặt trời, có thể chia bán cầu nam và bắc của trái đất ra thành bốn vành đai.

Lấy Bắc bán cầu (cũng áp dụng cho Nam bán cầu) làm ví dụ, vành đai có lợi nhất là 15 độ – 35 độ vĩ tuyến bắc, là khu vực sử dụng năng lượng mặt trời thuận lợi nhất. Đặc điểm là nó

thuộc về khu vực nửa khô hạn, có lượng bức xạ mặt trời lớn nhất, hơn 90%. Thời gian chiếu sáng năm bình thường là 3000 giờ. Khu vực sử dụng năng lượng mặt trời thuận lợi thứ hai là khu vực xích đạo và khu vực ở vĩ độ 15, đặc điểm là độ ẩm cao, nhiều mây, tỷ lệ bức xạ tán xạ tương đối cao, thời gian chiếu sáng trong năm khoảng 2500 giờ. Thứ ba là khu vực vĩ tuyến bắc 35 – 45⁰, tuy cường độ ánh sáng mặt trời bình quân ở đó xấp xỉ bằng ở hai khu vực trên, nhưng do có hai mùa thay đổi rõ rệt nên cường độ bức xạ vào mùa đông và thời gian chiếu sáng trong ngày tương đối thấp. Bất lợi nhất là khu vực nằm trên 45 độ vĩ tuyến bắc, bao gồm Liên xô cũ, Bắc Âu, Bắc Mỹ. Thời gian mùa đông ở đây tương đối dài, khoảng một nửa bức xạ là bức xạ yếu. Điều đáng chú ý là đại đa số các nước đang phát triển đều nằm ở khu vực tương đối có lợi, 15 độ – 35 độ vĩ tuyến bắc. Bởi vậy, có thể sử dụng năng lượng mặt trời sạch với giá rẻ ở vùng nông thôn rộng lớn khu vực này.

II. Tình hình lắp đặt trang thiết bị tập trung năng lượng mặt trời của các nước trên thế giới

Theo báo cáo “Solar Heat Worldwide 2008” của Tổ chức Năng lượng Thế giới, dù xét về lượng lắp đặt trang thiết bị tập trung năng lượng mặt trời, hay về diện tích lắp đặt trang thiết bị tập trung năng lượng mặt trời, nước Mỹ đều dẫn đầu về lắp đặt trang thiết bị tập trung năng lượng mặt trời, chiếm khoảng 57,6%, tiếp đó là Đức, Nhật Bản, Úc. Một số nước châu Âu, Bắc Mỹ có tương đối nhiều hạng mục sử dụng năng lượng mặt trời.

III. Tình hình xây dựng nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời (Solar House) của các nước trên thế giới

Qua so sánh hệ số dẫn nhiệt trong kết cấu bao quanh nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời của một số quốc gia, có thể thấy hệ số dẫn nhiệt trong kết cấu bao quanh nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời của Anh tương đối cao, sau đó là Đức và Nhật - là những nước rất coi trọng

tiết kiệm năng lượng, cả về mặt kết cấu bao ngoài lẫn kỹ thuật. Sự cách nhiệt của kết cấu bao ngoài công trình xây dựng xưa nay vẫn là một trong những nội dung quan trọng trong tiết kiệm năng lượng.

Một số nước công nghiệp phát triển châu Âu sử dụng vật liệu gỗ cho công trình xây dựng, đó là nguồn tài nguyên tái sinh được trồng và khai thác một cách có kế hoạch, sử dụng rộng rãi trong quá trình xây dựng. Bài viết này đề cập tới việc các nước như Anh, Đức... trực tiếp sử dụng gỗ vào kết cấu bao ngoài công trình xây dựng, ưu điểm là hệ số dẫn nhiệt của vật liệu gỗ nhỏ, trang trí đẹp, tiện cho gia công lắp đặt và sản xuất tiêu chuẩn hóa.

Nhà ở sử dụng năng lượng của nước ngoài đã dùng nhiều chủng loại vật liệu xây dựng khác nhau, đạt được hiệu quả xây dựng và hiệu quả sử dụng rất cao. Ví dụ, Millennium House INTEGER của Anh dùng tường bao ngoài có kết cấu tấm bê tông + tấm gỗ + sợi. Tòa nhà Litre Townhouse của Đức trực tiếp dùng vật liệu gỗ làm tường ngoài, giữa nhồi sợi hóa học cacbon dày 200 mm; hơn nữa, bên ngoài tường còn ốp tấm cách nhiệt bằng nhựa tổng hợp dày 83 mm. Trong khi đó, tường cách nhiệt ở Trung Quốc vẫn sử dụng vật liệu truyền thống, chủ yếu là kết cấu gạch và bê tông, ngay cả khi cách nhiệt cũng thường ốp tấm cách nhiệt bên ngoài, rất hiếm khi nhồi vật liệu cách nhiệt bên trong. Sự khác biệt về kết cấu tường bao ngoài là nguyên nhân trực tiếp khiến cho hệ số dẫn nhiệt thay đổi.

IV. Chính sách khuyến khích của các nước

Chính sách khuyến khích tài chính chủ yếu ở nước ngoài bao gồm: trợ cấp, miễn giảm thuế, cho vay vốn với lãi suất thấp,... Phần lớn những khuyến khích này tập trung phát triển hệ thống phát điện bằng năng lượng mặt trời. Ví dụ, “Kế hoạch 10 triệu căn nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời” do Ủy ban Năng lượng Mỹ thông qua thúc đẩy thị trường pin mặt trời tăng trưởng

mạnh mẽ 10 năm sau đó. Năm 2000, Đức thông qua “Luật Năng lượng tái sinh”, sửa đổi vào năm 2004, thực hiện luật trợ cấp giá điện, căn cứ vào những hình thức phát điện bằng năng lượng mặt trời khác nhau, Chính phủ Đức trợ cấp 0,45 - 0,6 euro /kW trong 20 năm, mỗi năm giảm dần 5 - 6%.

V. Kết luận

Thông qua so sánh, có thể những kết luận sau:

1. Kỹ thuật sử dụng năng lượng mặt trời ra đời tương đối sớm ở châu Âu, đặc biệt là các mặt là lớp sơn kính, kỹ thuật vật liệu cách nhiệt, cửa sổ...

2. Một số nước ở châu Âu có chính sách rõ ràng để khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời, trợ cấp về tài chính.

3. Hiện nay, ở nhiều nước châu Âu, năng lượng mặt trời đã kết hợp rất hữu cơ với công trình xây dựng hoặc trở thành một phần của công trình xây dựng, tức là “nhất thể hóa năng lượng mặt trời với công trình xây dựng”.

4. Nguồn tài nguyên năng lượng mặt trời của Trung Quốc phong phú hơn các nước châu Âu

và Nhật Bản nhiều, nhiều khu vực có điều kiện thuận lợi cho nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời, đặc biệt là các khu vực loại I, II và III.

5. Kỹ thuật sử dụng năng lượng mặt trời được ứng dụng khá muộn vào Trung Quốc, đặc biệt là nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời chỉ đang trong giai đoạn thí điểm, chưa thể phổ cập, điều này chủ yếu là do các đặc điểm của nước ta như trình độ phát triển kinh tế chưa cao, lãnh thổ rộng lớn, các khu vực chênh lệch nhau khá lớn.

6. Về mặt kỹ thuật tiết kiệm năng lượng, Trung Quốc chưa thương mại hóa vật liệu trong suốt cách nhiệt, kính phủ sơn hấp thụ năng lượng mặt trời, cửa sổ tiết kiệm năng lượng... Điều này đã kìm hãm việc phổ cập nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời ở tài nguyên.

7. Trung Quốc cần có chính sách khuyến khích về tài chính và cơ chế đẩy mạnh hữu hiệu.

Thạch Vinh Quân - Cao Trí Dũng

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng” TQ số 1/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Kinh nghiệm xây dựng tiết kiệm năng lượng của thành phố Moskva - thủ đô LB Nga

Nhận thức rõ tầm quan trọng về mặt xã hội và môi trường sinh thái trong việc sử dụng hợp lý nguồn năng lượng tại các siêu đô thị, chính quyền thành phố Moskva đang thực hiện 02 chương trình nhằm giải quyết vấn đề nêu trên: chương trình “Xây nhà tiết kiệm năng lượng” và “Sửa chữa cơ bản các ngôi nhà ở có nhiều căn hộ”. Các chương trình này dự tính đến năm 2020 sẽ giảm nhu cầu năng lượng trong những công trình ở và công trình công cộng tại Moskva xuống 40%.

Thực tế, xây nhà ở tiết kiệm năng lượng hôm nay sẽ hình thành hiệu quả năng lượng và sinh thái của kinh tế đô thị ngày mai. Các loại vật liệu mới, các giải pháp công nghệ và kỹ thuật

được ứng dụng hôm nay trong xây dựng mới, xây dựng cơ bản và sửa chữa các ngôi nhà, trong thời gian ít nhất 30 năm nữa, mà cũng có thể trong suốt thời hạn sử dụng của ngôi nhà sẽ giúp xác định mức của quỹ tiêu thụ năng lượng (đối với khu vực nhà ở) trong thành phố. Chỉ riêng nhà ở tại Moskva hiện nay, hàng năm đã có gần 3 triệu m² được xây mới.

Chính sách tiết kiệm năng lượng trong các công trình ở và công trình công cộng của Moskva dựa trên việc áp dụng rộng rãi các vật liệu cách nhiệt và vật liệu cấu kiện, công nghệ mới và các thiết bị cải tiến, và dựa trên việc sử dụng nguồn năng lượng thứ cấp và năng lượng phi truyền thống.

Từ năm 1998, việc áp dụng các chỉ tiêu giữ nhiệt mới cho các cấu kiện bảo vệ bên ngoài các ngôi nhà, nâng cao mức giữ nhiệt của tường ngoài và cửa sổ các ngôi nhà ở lên gấp đôi so với mức giữ nhiệt có từ thời Liên bang Xô viết đã đánh dấu giai đoạn đầu tiên của công tác tiết kiệm năng lượng tại Moskva. Đây là bước khởi đầu và là bước đi có tính thực tiễn trong việc thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng của thành phố, song song với việc tiến hành công cuộc cải cách ngành xây dựng một cách nghiêm túc, khai thác việc sản xuất các vật liệu xây dựng, các sản phẩm và cấu kiện mới. Việc thực thi bước 1 của chính sách tiết kiệm năng lượng cho phép nâng nhu cầu tiêu thụ nhiệt lượng riêng đối với các công trình ở và công trình công cộng được xây dựng sau 1/1/2000 lên mức 230 - 240 kwh/m²/năm, trong đó riêng việc sưởi ấm là 95kwh/m³/năm. Trong quỹ nhà ở xây trước năm 2000, chỉ số trên là 300 -340 kwh/m²/năm.

Giai đoạn quan trọng thứ hai trong chính sách tiết kiệm năng lượng của Moskva là việc áp dụng các tiêu chuẩn mới về sử dụng năng lượng trong các công trình ở và công trình công cộng từ 1/10/ 2010. Ngày 2/7/2010, phiên họp của Hội đồng khoa học - kỹ thuật Tổng hợp các chính sách xây dựng đô thị và ngành Xây dựng thành phố đã thông qua quyết định chuyển sang những tiêu chuẩn mới về sử dụng năng lượng trong các công trình xây dựng của Moskva theo hướng tiệm cận những tiêu chuẩn của châu Âu, đồng thời thông qua việc thành lập nhóm công tác thuộc Hội đồng, với việc chuyên nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn mới về tiết kiệm năng lượng. Cuộc họp này đã diễn ra dưới sự chủ trì của Phó Thị trưởng thứ nhất Moskva.

Nhóm công tác đã soạn thảo và ban hành sắc lệnh số 61 của Phó Thị trưởng Moskva, quy định việc nghiên cứu các tiêu chuẩn mới đối với thiết kế tiết kiệm năng lượng của các tòa nhà, cũng như việc đào tạo và nâng cao trình độ đội

ngũ nhân sự trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng. Kết quả : Quyết định số 900-PP “ Về việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà ở và tòa nhà công sở - công cộng của Moskva, và việc vận dụng những sửa đổi Quyết định số 536-PP ra ngày 9/6/2009 của chính quyền Moskva” đã được chính quyền thành phố phê duyệt ngày 5/10/2010. Quyết định này bao gồm một loạt biện pháp căn bản nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các công trình ở và công trình công cộng của Moskva, tính từ quý 4/2010; ngoài ra còn đưa một số sửa đổi và bổ sung vào chương trình “Xây nhà tiết kiệm năng lượng tại Moskva giai đoạn 2010 – 2014, triển vọng đến năm 2020” trong phần đưa các chỉ số riêng mới (đối với việc sử dụng) phù hợp tiêu chuẩn châu Âu của những công trình sử dụng năng lượng hiệu quả của thủ đô Moskva; các chỉ số này thuộc về thiết kế, xây mới, tôn tạo và sửa chữa cơ bản các tòa nhà ở, tòa nhà công cộng.

Việc thông qua Quyết định số 900-PP là một giai đoạn cực kỳ quan trọng trong chính sách tiết kiệm năng lượng của Moskva. Đây là giai đoạn có những biện pháp cơ bản nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà ở và tòa nhà công cộng ngay tại thủ đô. Lần đầu tiên tại Nga, các định mức tiêu thụ năng lượng cụ thể đối với hệ thống sưởi, thiết bị thông gió, hệ thống cung cấp nước nóng, điều hòa và chiếu sáng được tiêu chuẩn hóa. Từ 1/10/2010 các định mức tổng tiêu thụ năng lượng tại các tòa nhà ở giảm xuống còn 160kwh/ m² /năm.

Cần nhận thấy rằng, giai đoạn mới của chính sách tiết kiệm năng lượng trong xây dựng đô thị gắn liền với các biện pháp công nghệ và kỹ thuật trong việc trang bị kỹ thuật cho các ngôi nhà, và cả trong vấn đề sử dụng các nguồn năng lượng phi truyền thống và nguồn năng lượng thứ cấp... Song hiện nay, giải pháp cho vấn đề xây nhà tiết kiệm năng lượng và tiếp tục cắt giảm nhu cầu tiêu thụ năng lượng của các ngôi nhà mà chỉ dựa trên cơ sở tăng cường

tính chất giữ nhiệt của các cấu kiện bảo vệ bên ngoài đã không còn tính hiệu quả nữa. Trên thực tế, nguồn năng lượng tiết kiệm trong xây dựng đô thị này đã mất. Ví dụ: trong cơ cấu nhu cầu tiêu thụ năng lượng một năm của một ngôi nhà 17 tầng, sự thất thoát nhiệt chuyển động (thất thoát nhiệt qua các cấu kiện bảo vệ bên ngoài) thường chiếm khoảng 1/4 nhu cầu tiêu thụ năng lượng của ngôi nhà. 3/4 còn lại dành cho các thiết bị thông hơi và cung cấp nước nóng. Liên quan tới vấn đề này, trong chương trình “Xây nhà tiết kiệm năng lượng”, các công nghệ tiên tiến nhất, các giải pháp kỹ thuật và thiết bị cho việc tiết kiệm năng lượng “một cách tích cực” đã được đưa ra trước tiên. Trước hết, đó là các thiết bị thông hơi, thu hồi và xử lý nhiệt thải của các nguồn năng lượng thứ cấp; hệ thống bơm nhiệt và các hệ thống làm mát khác có sử dụng nhiệt năng từ tầng đất và các nguồn năng lượng phi truyền thống khác; cũng như hệ thống quản lý việc đảm bảo các nguồn năng lượng và tiểu khí hậu cho tòa nhà. Chính từ những nguồn trên, năng lượng tiết kiệm được tập trung lại để dự trữ.

Tại Moskva, các ngôi nhà và các công trình sử dụng các nguồn năng lượng phi truyền thống và nguồn thứ cấp đã được xây dựng và khai thác. Trong đó có:

- Tòa nhà ở 17 tầng sử dụng năng lượng tiết kiệm, được trang bị hệ thống bơm nhiệt cung cấp nước nóng, sử dụng nguồn nhiệt từ tầng đất và nhiệt thải từ hệ thống thông gió;

- Những ngôi nhà “ấm áp” tại tiểu khu Kurkino với tính giữ nhiệt của tường bao ngoài và khả năng thu hồi nhiệt thải từ hệ thống thông gió được nâng cao ;

- Trạm bơm nhiệt tại thành phố Zelenograd, chuyên xử lý nhiệt có tiềm năng sử dụng thấp trong các cống thải của thành phố;

- Các tòa nhà của tổ hợp “ECOPARK – FILI”, được trang bị các hệ thống tận dụng nhiệt từ tầng đất, năng lượng mặt trời và các nguồn năng lượng phi truyền thống khác.

Các công trình nêu trên đảm bảo tiết kiệm năng lượng từ 40 -60% lượng tải nhiệt được tập trung. Trên thực tế, tất cả các công ty xây nhà đã nghiên cứu các biện pháp để chuyển sang áp dụng những định mức mới trong nhu cầu tiêu thụ năng lượng . Phòng nghiên cứu khí hậu được Trung tâm tiết kiệm năng lượng thuộc Viện nghiên cứu khoa học Xây dựng Moskva sáng lập và đưa vào khai thác, đã tiến hành thử nghiệm các bộ phận của kết cấu bảo vệ với kích cỡ tự nhiên (3 x7m). Các thí nghiệm được tiến hành trong phòng này cho phép các công ty xây nhà hiện nay nghiên cứu các kết cấu panel tường ngoài đảm bảo để kháng đối với việc truyền nhiệt của tường ở mức 3,5m² grad/W và cửa sổ ở mức 0,8m²/W, và cao hơn nữa cho phù hợp với yêu cầu mới. Trong sản xuất, các kết cấu này sẽ được khai thác ngay quý 1/2011.

Trong khuôn khổ chương trình “ Xây nhà tiết kiệm năng lượng”, các biện pháp bảo đảm thông tin và nâng cao trình độ đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng được áp dụng một cách tích cực. Các chuyên gia xây dựng Moskva tích cực tham gia các hội nghị quốc tế về vấn đề tiết kiệm năng lượng. Trong khuôn khổ cuộc họp và triển lãm hàng năm “Moskva – các vấn đề và phương pháp nâng cao hiệu quả năng lượng”, hội nghị “Xây nhà tiết kiệm năng lượng và phương pháp giữ nhiệt hiệu quả cho các ngôi nhà” đã được tổ chức. Lần đầu tiên quá trình diễn ra nghị trường đã được truyền trực tiếp trên mạng. Những cuộc “ hội nghị bàn tròn”, họp báo cũng diễn ra liên tục. Tháng 6/2010, Bộ Giáo dục và khoa học Liên Bang Nga và Cơ quan năng lượng quốc tế đã cùng ngồi thảo luận trong “Hội nghị bàn tròn”, với sự tham gia của các nhà khoa học và chuyên gia hàng đầu của Nga và nước ngoài trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Nhà máy “Santechprom” đã xây dựng Trung tâm trưng bày năng lượng hiệu quả, nơi giới thiệu những thiết bị hỗ trợ tiết kiệm năng

lượng tiên tiến nhất.

Công cụ quan trọng thứ 2 để thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng của thành phố Moskva là chương trình “ Sửa chữa cơ bản các ngôi nhà nhiều căn hộ để ở”. Cho tới năm 2015, chương trình này sẽ xem xét việc sửa chữa cơ bản cho 13.787 ngôi nhà với tổng diện tích 117 triệu m². Một trong những ưu điểm cơ bản của các ngôi nhà sau sửa chữa cơ bản tổng hợp là tính hiệu quả sử dụng năng lượng được cải thiện. Công tác sửa chữa bao gồm giữ nhiệt cho mặt tiền các ngôi nhà, thay kính các cửa sổ và ban công, lắp đặt các thiết bị tự động điều chỉnh hệ thống sưởi ấm cũng như các thiết bị sưởi có gắn bộ ổn nhiệt, lắp các bóng đèn tiết kiệm điện tại các lối đi. Hiệu quả tiết kiệm nhiệt năng đạt tới 30%. Cho đến năm 2012, Thủ đô sẽ có 2200 ngôi nhà nhiều căn hộ được xây từ thập kỷ 60 – 70 của thế kỷ trước đạt mức sử dụng năng lượng tiết kiệm hợp chuẩn. Từ năm 2011, mỗi ngôi nhà như thế sẽ được gắn một “mác” đặc biệt xác nhận mức độ sử dụng năng lượng tiết kiệm của ngôi nhà đó (mức cao hoặc mức bình thường). Thành phố lên kế hoạch từ năm 2012 sẽ chuyển sang chế độ tài chính mới đối với công tác sửa chữa cơ bản thông qua cơ chế chuyển vốn cho các tổ chức của các cá nhân sở hữu nhà. Người dân sẽ có thể tự đăng ký sửa chữa. Nguyên tắc đăng ký sẽ được đưa vào

chương trình, còn các đơn đăng ký sẽ được xem xét dựa vào các tiêu chí do Luật của thành phố Moskva ban hành.

Đặc điểm của giai đoạn 2 trong chính sách tiết kiệm năng lượng của Moskva là sự cần thiết phải có một phương pháp tổng hợp để đánh giá các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Việc đánh giá chính xác chỉ có thể khi coi chuỗi “ thiết bị sản xuất ra năng lượng + mạng lưới nhiệt-điện + ngôi nhà” là một hệ thống năng lượng sinh thái thống nhất có tính tới các biến đổi khí hậu. Chúng ta không có quyền xem xét vấn đề tiết kiệm năng lượng của nhà sản xuất năng lượng cũng như người sử dụng một cách riêng rẽ, khi mà các lợi ích mang tính chiến lược của 2 đối tượng này mâu thuẫn nhau – các công ty sản xuất ra năng lượng chỉ quan tâm phát triển tối đa việc bán sản phẩm của mình, còn người sử dụng – quan tâm tới việc tối thiểu nhu cầu sử dụng các sản phẩm đó. Chỉ có một phương pháp tổng hợp cho vấn đề tiết kiệm năng lượng có thể giúp cân bằng các lợi ích đó..

Resin V.I.

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng Moskva- tháng 1-2/2011

ND: Lê Minh

Bốn điểm mấu chốt trong thi công cacbon thấp

Doanh nghiệp thi công xây dựng nhà nước quy mô lớn bước vào thời kỳ cacbon thấp, đây là một quá trình nhanh chóng. Về phía doanh nghiệp, kinh tế cacbon thấp nên là một phương thức sản xuất, là mô hình quản lý. Trong quá trình thi công, doanh nghiệp cần chú trọng xuất phát từ yêu cầu về bảo vệ môi trường, tăng cường đổi mới chế độ, đổi mới kỹ thuật, đổi mới an toàn và đổi mới sản phẩm, đảm bảo đạt mục tiêu cacbon thấp, tiến tới hiệu quả về kinh tế và mục tiêu phát triển lâu dài.

1. Điểm mấu chốt thứ nhất: đổi mới chế độ - đảm bảo cho thi công cacbon thấp

Mấy năm qua, Công ty hữu hạn số 5, Cục giao thông đường sắt số 4 Trung Quốc (dưới gọi tắt là công ty số 5) không ngừng mở rộng quy mô sản xuất, từ giá trị sản xuất 700 triệu NDT 4 năm trước đến nay tăng lên 6 tỷ NDT, các yếu tố sản xuất cũng liên tục gia tăng, đồng thời cũng khó tránh khỏi vấn đề nguồn tài nguyên cạn kiệt. Vì vậy, bắt tay từ công tác đổi mới chế độ, công ty số 5 liên tục lập và sửa đổi “Biện

pháp quản lý công trình chất lượng cao”, “Biện pháp thưởng phạt tiết kiệm năng lượng trong thi công xây dựng”, “Điều lệ thi công văn minh, bảo vệ môi trường”, “Biện pháp tập trung, xử lý rác thải xây dựng tại công trường thi công”, “Biện pháp quản lý vận chuyển rác thải xây dựng”... từ đó thực hiện mục tiêu lấy chế độ chuẩn hóa hoạt động thi công. Ví dụ, về hoạt động vận chuyển rác xây dựng, yêu cầu tất cả các loại xe công trình khi ra khỏi công trường phải xối rửa sạch sẽ bùn đất; thùng xe vận tải phải được che kín, trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo che kín, tránh để bụi đất vung vãi ra lòng lề đường; yêu cầu các công trình ngoài trường phải có xe xả nước, định giờ xả nước các trục đường giao thông, giảm thiểu bụi bẩn và ô nhiễm do thi công gây ra. Đồng thời căn cứ vào thực tế dự án, lắp đặt hệ thống nước tuần hoàn, sử dụng máy bơm hoặc đường ống nước để bơm nước đến bồn bê tông và thùng xe, dùng làm nước vệ sinh và phòng cháy chữa cháy, giảm lượng nước dùng trong thi công.

2. Điểm mấu chốt thứ hai: đổi mới kỹ thuật – trọng tâm của thi công cacbon thấp

Mấy năm qua, công ty số 5 luôn nắm vững cơ hội tham gia xây dựng đường sắt cao tốc nhà nước và thi công đường sắt thành phố, dưới chủ trương “đổi mới khoa học, kỹ thuật”, nỗ lực tiến hành ứng dụng nghiên cứu kỹ thuật mới, nhờ tiến bộ khoa học kỹ thuật để giảm thiểu năng lượng tiêu hao, cơ bản hình thành nền tảng nhất định, hình thành hệ thống quản lý và kỹ thuật thi công cacbon thấp mới.

Trước tiên là tổ chức giao lưu, bồi dưỡng đội ngũ nhân tài kỹ thuật. Chú trọng phát huy đầu tàu của chuyên gia kỹ thuật và nhân tài kỹ thuật cốt cán, làm tốt công tác dây chuyền, thực hiện gắn kết giữa công tác bồi dưỡng với chế độ hóa phương thức sát hạch, kết quả sát hạch và trợ cấp kỹ thuật, thăng chức, nhằm khuyến khích nhân viên nhanh chóng trưởng thành. Đồng thời chú trọng công tác quản lý kỹ thuật, nhấn mạnh vai trò chỉ đạo của phương án kỹ thuật.

Thứ hai, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cải tổ lực lượng kỹ thuật xuất sắc trong toàn công ty, đầu tư kinh phí, tiến hành chính đốn các dự án nghiên cứu khoa học tiên tiến, có tác dụng tiết kiệm năng lượng giảm thải và có lợi trong việc nâng cao trình độ kỹ thuật của công ty, thành lập nhóm đề tài, cùng nghiên cứu, thúc đẩy dự án thi công thuận lợi.

3. Điểm mấu chốt thứ ba: đổi mới an toàn, mấu chốt để thực hiện thi công cacbon thấp

Xây dựng công trình an toàn chất lượng luôn là trọng tâm trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, công ty số 5 xây dựng hệ thống quản lý an toàn chất lượng toàn diện dựa trên nguyên tắc “lãnh đạo khu vực làm chủ quản, giám đốc dự án chịu trách nhiệm chính, bộ phận hữu quan giám sát, nhân viên thực hiện chịu trách nhiệm trực tiếp”, toàn bộ các nhân viên đều phải ký “Giấy cam kết án toàn chết lượng”, đảm bảo công trình thi công thuận lợi. Ví dụ, thực hiện quản lý đường giây, phân khu cấp điện đối với mỗi khu vực thi công dự án; lắp đặt đồng hồ điện. Thực hiện thống kê số liệu điện tiêu hao theo mùa và từng giai đoạn, tiến hành thống kê, phân tích, đồng thời áp dụng biện pháp điều chỉnh phù hợp. Sử dụng thiết bị dùng điện phù hợp, máy hành phải lắp đặt thiết bị bảo vệ không tải, giảm lượng điện lãng phí. Sử dụng kỹ thuật năng lượng mặt trời và quản lý quang điện trong các khu vực sinh hoạt của công nhân xây dựng để tiết kiệm năng lượng. Giảm thiểu tối đa sử dụng điện, đạt mục tiêu tiết kiệm năng lượng an toàn.

4. Điểm mấu chốt thứ tư: đổi mới thương hiệu, thể hiện thi công cacbon thấp

4 năm trở lại đây, công ty số 5 đã sửa và xây mới 168 km đường sắt, 128 km đường cao tốc, gần 60 km đường tàu điện ngầm và đường sắt giao thông đô thị, 100% công trình đạt tiêu chuẩn chất lượng thi công, 23 công trình nhận thầu hay tham gia xây dựng giành được giải thưởng công trình chất lượng cao do cơ quan

cấp tỉnh trao tặng, 68 thành quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật được tỉnh thẩm định và phê duyệt, 6 thành quả nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tước của trong và ngoài nước, 10 công trường thi công được tỉnh bình bầu là công trường thi công văn minh. Những thành tích mà công ty số 5 đạt được có quan hệ mật thiết với chủ trương nỗ lực đổi mới thương hiệu với phương châm “xây dựng công trình xanh và văn hóa xây dựng”. Một mặt, thiết thực bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên nơi công trường thi công, xây dựng công trình xanh; mặt khác, quan tâm đến sức khỏe và sinh hoạt văn hóa của công nhân viên, xây dựng thí điểm dự án văn hóa theo nguyên tắc “sinh hoạt công trường, văn hóa công trường, vệ sinh công trường”. Mỗi dự án xây dựng đều đầu tư một khoản chi phí sử dụng vào mục đích cải thiện điều kiện cư trú sinh

hoạt, thiết bị phục vụ y tế, giáo dục cho công nhân viên tham gia xây dựng. Theo thống kê, trong 4 năm qua, công ty đã đầu tư hàng trăm triệu NDT vào mục đích cải thiện điều kiện sinh hoạt, vệ sinh và văn hóa cho nhân viên, công nhân mùa vụ; mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm lao động cho công nhân mùa vụ, đồng thời liên tục cho ra đời hàng loạt các biện pháp bảo đảm tiền lương và biện pháp quản lý trách nhiệm cho công nhân mùa vụ, từ đó đảm bảo nguồn lao động và đội ngũ công nhân kỹ thuật luôn ổn định, bảo vệ quyền và lợi ích của công nhân mùa vụ không bị xâm phạm.

Vương Hải Vương

Nguồn: Tạp chí xây dựng số 23 /2010

ND: Hoàng Đại Hải

Lãnh đạo Bộ Xây dựng tiếp và làm việc với Thứ trưởng Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản

Sáng ngày 22/8/2011 tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã tiếp và làm việc với ông Naoyoshi Sato - Thứ trưởng Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản. Tham dự buổi làm việc còn có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng; Đại sứ quán Nhật Bản, Văn phòng JICA Nhật Bản tại Việt Nam.

Tại buổi tiếp và làm việc, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã nhiệt liệt chào mừng Thứ trưởng Naoyoshi Sato và đoàn công tác của Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng và tin tưởng chuyến thăm này sẽ góp phần thắt chặt quan hệ hợp tác giữa hai đất nước Việt Nam - Nhật Bản nói chung và giữa hai Bộ nói riêng.

Phát biểu tại buổi làm việc, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã bày tỏ sự cảm ơn và đánh giá cao sự giúp đỡ, hợp tác có hiệu quả của Chính phủ và nhân dân Nhật Bản, Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản. Trong những năm qua, Nhật Bản là nước đóng góp nhiều ODA cho Việt Nam, những dự án ODA của Nhật Bản đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Thông qua tổ chức JICA, Nhật Bản đã giúp Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, trong đó có các dự án nâng cao năng lực cấp nước, thoát nước đô thị, quản lý chất lượng công trình xây dựng...thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng Việt Nam.

Tại buổi làm việc Thứ trưởng Naoyoshi Sato cảm ơn sự đón tiếp của lãnh đạo Bộ Xây dựng. Thay mặt Chính phủ và nhân dân Nhật Bản, Thứ trưởng Naoyoshi Sato cảm ơn sự giúp đỡ của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đối với Nhật Bản trong việc khắc phục thảm họa thiên nhiên động đất và sóng thần xảy ra ngày 11/3/2011 vừa qua tại Nhật Bản.



Toàn cảnh buổi Hội đàm

Thứ trưởng Naoyoshi Sato bày tỏ sự vui mừng vì quan hệ hợp tác giữa hai Bộ đã có sự phát triển tốt đẹp và thu được nhiều thành quả. Thực hiện Biên bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực thoát nước đô thị được hai Bộ ký kết tháng 12/2010, hai bên đã thống nhất sẽ triển khai các dự án theo hình thức hợp tác công-tư (PPP) và thành lập tổ công tác và đã tổ chức Hội thảo về hình thức đầu tư PPP trong lĩnh vực thoát nước đô thị tại Hà Nội, Hội thảo về nâng cao năng lực quản lý chất lượng công trình xây dựng tại Tokyo. Nhật Bản cũng đã cử các chuyên gia sang Việt Nam để hỗ trợ dự án thoát nước đô thị và dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Tại buổi làm việc, Thứ trưởng Cao Lại Quang và người đồng cấp Naoyoshi Sato đều đưa ra những đánh giá tốt về sự hợp tác giữa hai Bộ trong các dự án đã hai bên thống nhất. Thứ trưởng Naoyoshi Sato cũng nhất trí về việc chia sẻ kinh nghiệm của Nhật Bản trong lĩnh vực thoát nước đô thị, xử lý nước thải, mô hình PPP, quản lý chất lượng công trình xây dựng, tư vấn xây dựng hệ thống chính sách quản lý xây dựng phù hợp thông lệ quốc tế giúp Bộ Xây dựng Việt Nam.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2025

Ngày 11/8/2011, Tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì hội nghị thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2025. Tham dự hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp & phát triển nông thôn, Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa – Thể thao & Du lịch; các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng; Về phía lãnh đạo tỉnh Nam Định có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định, Giám đốc Sở Xây dựng Nam Định và các cán bộ chuyên môn.

Hội nghị đã nghe đại diện của Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Bộ Xây dựng – đơn vị tư vấn lập đồ án - trình bày tóm tắt đồ án cũng như sự cần thiết phải điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Nam Định, và các nội dung điều chỉnh. Theo báo cáo của đơn vị tư vấn, Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Nam Định đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 31/2001/QĐ-TTg. Từ đó đến nay, Đồ án đó là cơ sở quan trọng để thành phố Nam Định triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư phát triển đô thị, tạo nền tảng cho những tiến bộ về kinh tế - xã hội của thành phố nói riêng và cả tỉnh Nam Định nói chung. Sau 8 năm thực hiện quy hoạch, bộ mặt thành phố đã có những đổi thay quan trọng, kinh tế - văn hóa xã hội phát triển, đời sống người dân ổn định; các khu đô thị mới nằm 2 bên Quốc lộ 10 có hệ số lấp đầy rất cao; hiện trạng cấp thoát nước, cấp điện, quản lý chất thải rắn cũng đạt những kết quả khả quan. Tuy nhiên, hạ tầng cơ sở tuy khá hoàn chỉnh song vẫn chưa tạo được sự đột phá xứng tầm một đô thị trung tâm vùng. Tới nay, bối cảnh phát triển của thành phố đã có nhiều thay đổi, đặt ra nhu cầu rà soát và điều chỉnh một số nội



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn phát biểu kết luận Hội nghị

dung của Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2001 để phù hợp hơn với thực tế cũng như yêu cầu phát triển thành phố trong giai đoạn mới – đó là xây dựng thành phố Nam Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại 1 vào năm 2012; trở thành đô thị trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

Những nội dung cần điều chỉnh bổ sung, theo báo cáo của đơn vị tư vấn, gồm: phát huy và xây dựng bản sắc riêng cho thành phố Nam Định trong tương lai; phát triển 2 bên quốc lộ 10 không cứng nhắc theo chức năng mà linh hoạt theo nhu cầu; phát triển đô thị theo mô hình thành phố 2 bên sông, nhưng tập trung vào phía bắc sông Đào với sông Vĩnh Giang, phát triển mô hình đô thị sinh thái phía nam sông Đào; hoàn thiện hệ thống giao thông gắn với cảnh quan mặt nước, trên cơ sở đó xây dựng hệ thống các trung tâm: hành chính, y tế, văn hóa giáo dục, du lịch...

Hội nghị đã nghe các báo cáo phản biện của đại diện Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng; các ý kiến đóng góp của đại diện Văn phòng Chính phủ, Hiệp hội các đô thị Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã đánh giá: về

cơ bản, Đồ án được nghiên cứu tốt, bám sát nhiệm vụ quy hoạch được giao; đồng thời đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu nghiêm túc các ý kiến của các bộ, ngành về một số vấn đề như quy mô chỉ tiêu công nghiệp, đất dự trữ, đất cây xanh, hạ tầng giao thông, quy định về chiều cao xây dựng trong khu vực nội đô, bổ sung cho

định hướng bảo tồn xứng đáng với một đô thị có chiều sâu văn hóa-lịch sử hơn 700 năm, chỉnh sửa lại Quy định quản lý ...để sớm hoàn thiện hồ sơ đồ án, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong thời gian sớm nhất.

Lệ Minh

Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp số 7 kỷ niệm 45 năm ngày thành lập

Ngày 16/8/2011 tại Hà Nội Công ty Cổ phần cơ khí và xây lắp số 7 (COMA 7) thuộc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA) đã tổ chức Lễ kỷ niệm 45 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Tham dự Lễ kỷ niệm có ông Hà Văn Nùng - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ông Bùi Phạm Khánh - Thứ trưởng Bộ Xây dựng, ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam, ông Dương Khánh Toàn - Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, đại diện lãnh đạo Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, Hiệp hội các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam, lãnh đạo TCty Cơ khí Xây dựng, các doanh nghiệp trong và ngoài ngành xây dựng, và đại diện các địa phương.

Thay mặt lãnh đạo Cty CP Coma 7, ông Lê Văn Minh - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc đã trình bày báo cáo tổng kết chặng đường 45 năm xây dựng và phát triển của Cty.

Cách đây 45 năm, ngày 01/8/1966 Nhà máy Cơ khí kiến trúc Liên Ninh tiền thân của COMA 7 ngày nay được thành lập. Trong quá trình phát triển, Nhà máy đã được đổi tên thành Nhà máy cơ khí xây dựng Liên Ninh, Cty Cơ khí xây dựng Liên Ninh; ngày 01/11/2000 được đổi tên thành Cty Cơ khí và xây lắp số 7; ngày 19/11/2004 được Bộ Xây dựng cho chuyển đổi sang công ty cổ phần do TCty cơ khí xây dựng giữ cổ phần chi phối 51%.

45 năm qua, bằng sự phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ CBCNV Cty đã vượt qua



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại buổi Lễ

các khó khăn, thử thách và đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, đã có những đóng góp và cống hiến to lớn cho sự nghiệp CNH, HĐH nước nhà. Công ty đã giữ vững bản lĩnh kiên định vững vàng, vươn lên không ngừng phát triển, đa dạng hoá ngành nghề để ngày càng vững mạnh, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Từ một nhà máy cơ khí nhỏ bé, trải qua 45 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay Công ty đã trở thành doanh nghiệp loại 1 với 4 phòng ban chức năng, 7 xí nghiệp trực thuộc với đủ các ngành nghề từ tạo phối đến chế tạo và lắp dựng hoàn chỉnh. Công ty đã từng bước đa dạng hoá ngành nghề, phát triển và mở rộng các lĩnh vực kinh doanh và đã đạt được những thành tựu rất đáng tự hào.

Từ những năm 1966 cho đến năm 2000 bằng sự nỗ lực phấn đấu COMA 7 đã góp phần tạo nên sức sống của các sản phẩm cơ khí truyền thống và hiện đại.

Từ ngày đầu thành lập cho đến năm 1987 là một giai đoạn đầy khó khăn, Nhà máy cần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo đội ngũ nhân lực tại chỗ, nhưng với cố gắng và sáng tạo sản phẩm cơ khí của Nhà máy đã từng bước tạo được uy tín trên thị trường, thương hiệu Cơ khí Liên Ninh đã có tiếng vang trên toàn quốc, góp phần to lớn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

Năm 1988 cho đến năm 2000 Cty bắt đầu mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường, từng bước đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất. Cty là đơn vị đi đầu trong áp dụng công nghệ và vật liệu mới để sản xuất bi, đạn nghiền, tấm lót hợp kim cao được các nhà máy xi măng đánh giá cao về chất lượng góp phần tạo nên sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Cty. Cty cũng là đơn vị đầu tiên tham gia chế tạo cột điện cho đường dây 500 KV Bắc Nam và đã tham gia thiết kế và chế tạo thành công máy ép gạch theo công nghệ mới của Italia có hút chân không được khách hàng đánh giá cao.

Bước sang năm 2001 để bảo đảm tăng trưởng và phát triển, Cty đã có những thay đổi mang tính đột phá và toàn diện cả về mô hình quản lý và mở rộng ngành nghề kinh doanh. Cty được đổi tên thành Cty Cơ khí và xây lắp số 7 (COMA 7); ngày 19/11/2004 COMA 7 được chuyển đổi thành Cty cổ phần do TCty Cơ khí xây dựng nắm cổ phần chi phối 51%.

Với những thay đổi nêu trên, đầu những năm 2000, COMA 7 đã thu được những thành tựu đáng tự hào; doanh thu tăng trưởng vượt trội, hàng loạt hợp đồng lớn được ký kết và thực hiện có hiệu quả trên cả hai lĩnh vực cơ khí và xây lắp.

Hiện nay, lĩnh vực cơ khí vẫn luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và từng bước được hiện đại hoá. Sản phẩm đúc đã đáp ứng được yêu cầu chất lượng của các nhà máy xi măng trong nước và nhiều sản phẩm đúc có yêu cầu kỹ thuật rất cao được xuất sang Nhật Bản; hệ thống lọc bụi tĩnh điện được xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ; ống đen - sít được xuất khẩu sang



Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc COMA 7 Lê Văn Minh báo cáo tổng kết tại buổi Lễ

Đan Mạch. Cty đã đúc thành công các gối quay loại lớn khối lượng đến 5 tấn cung cấp cho thủy điện Buôn Tua Sa,...

Lĩnh vực cơ khí chế tạo và cơ điện công trình được đầu tư trang bị thêm nhiều máy mới và hiện đại. Cty đã đầu tư và đưa vào sử dụng có hiệu quả hệ thống máy gia công điều khiển tự động bằng công nghệ CNC góp phần chế tạo thành công và lắp dựng nhiều mái dầm không gian nút cầu trên cả nước, tại các công trình như Triển lãm Giảng Võ Hà Nội, Nhà hát Ca múa nhạc, Đại học Từ Sơn - Bắc Ninh, cửa khẩu Lao Bảo - Quảng Trị,...

Lĩnh vực cơ khí chế tạo kết cấu thép cũng được quan tâm đầu tư phát triển góp phần phát huy hiệu quả một thế mạnh đầy tiềm năng của Cty. Với sự đầu tư lớn về thiết bị và nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo thợ hàn đạt tiêu chuẩn quốc tế kết hợp với sự nỗ lực cố gắng của tập thể CBCNV, Cty đã chế tạo thành công các chi tiết, thiết bị phi tiêu chuẩn có kích cỡ lớn, phức tạp, đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật rất cao mà trước đây phải nhập khẩu từ nước ngoài như các hệ thống thiết bị cung cấp cho các nhà máy xi măng Bút Sơn, Sông Gianh, Cẩm Phả, Hải Phòng, ...tham gia thi công chế tạo thành công các thiết bị cơ khí thủy công, đường ống áp lực có đường kính trên 3 mét cung cấp cho các dự án thủy điện Socphumiêng, Sesan 4,...

Những năm gần đây, COMA 7 bằng các công trình của mình đã đặt dấu ấn trên khắp mọi miền tổ quốc.

Cty rất quan tâm đầu tư nghiên cứu, tìm kiếm để sản xuất và chế tạo các mặt hàng mới có tính đột phá gắn liền với thương hiệu của mình. Cty đã chế tạo và lắp dựng toàn bộ kết cấu thép dàn mái không gian nhà triển lãm thành phố Đà Nẵng trên độ cao 30 mét có kết cấu rất phức tạp; thiết kế chế tạo, lắp đặt thành công nhà hàng quay trên tầng 25 khách sạn 5 sao của Tập đoàn cao su Việt Nam, chế tạo lò đốt rác cung cấp cho Nhật Bản,...

Cùng với sự đi lên của đất nước COMA 7 đã mạnh dạn mở rộng ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm. Đến nay Cty đã có 3 xí nghiệp được đầu tư lớn về thiết bị, do vậy đã có những hợp đồng thi công trên nhiều lĩnh vực từ hạ tầng, giao thông, đường dây và trạm điện cho đến xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Lĩnh vực xây lắp đã chiếm tỷ trọng doanh thu lớn trong tổng doanh thu của Cty trong những năm gần đây. Một số công trình có ý nghĩa lớn về kinh tế và chính trị như nhà làm việc Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, toà nhà 15 tầng ở 125D Minh Khai Hà Nội, chung cư 11 tầng NC2-COMA 18, các gói thầu đường ở Quy Nhơn - Nhơn Hội, KKT Nhơn Hội - Bình Định, các nhà xưởng, nhà máy,...

Năm 2010 Cty đã hoàn thành thi công nhiều công trình mà đã khẳng định và chứng minh cho trình độ, năng lực và sự quản lý dẫn đến thành công mang ý nghĩa lớn và uy tín cho thương hiệu COMA 7 trong lĩnh vực xây lắp như các hạng mục công trình đường lên tượng đài, móng bệ tượng đài và sân hành lễ của Tượng đài Thánh Gióng - một công trình có ý nghĩa văn hóa tâm linh, có quy mô và giá trị lớn đã được UBND thành phố Hà Nội gắn biển công trình chào mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; thi công móng, tầng hầm và thân toà nhà A cao 24 tầng dự án nhà ở cao tầng Skylight.

Các công trình do COMA 7 thi công đều đã được chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, nhiều công trình được công nhận đạt Huy chương Vàng chất lượng cao ngành Xây dựng.

Một thành công lớn trong những năm gần đây mà CBCNV Cty đã phấn đấu đạt được là trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới, lạm phát tăng cao, tăng giá đột biến, không vay được vốn ngân hàng. Để có vốn cho sản xuất kinh doanh COMA 7 đã phải vay mượn ngoài của cá nhân, các đối tác tiềm năng và tranh thủ thanh toán nhanh của chủ đầu tư, nhưng từ năm 2008 đến nay hàng năm Cty đều đạt doanh thu từ 100 - 120 tỷ đồng; sản xuất kinh doanh năm nào cũng có lãi. Do những thành tích trong xây dựng và phát triển COMA 7 đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và năm nay nhân kỷ niệm 45 năm ngày thành lập được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Thành quả to lớn mà CBCNV của Cty qua nhiều thế hệ phấn đấu đạt được trong 45 năm qua đã đánh dấu một chặng đường xây dựng và phát triển, tuy nhiên COMA 7 vẫn có đầy năng lực và kinh nghiệm để tiếp tục duy trì ổn định, tăng trưởng và phát triển cho các năm tiếp theo. Định hướng chiến lược phát triển cho giai đoạn 2011 - 2015 của Cty đã xác định mục tiêu đến năm 2015 là doanh thu đạt trên 300 tỷ đồng; lợi nhuận đạt 3,5% - 5%/doanh thu; cổ tức đạt 20%/năm; thu nhập bình quân đạt 5 triệu đồng/người/tháng.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh nhiệt liệt biểu dương và đánh giá cao những thành quả mà COMA 7 đã đạt được trong quá trình 45 năm xây dựng và trưởng thành bằng sự phấn đấu bền bỉ, kiên trì, phát huy nội lực vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Thứ trưởng đề nghị TCty Cơ khí xây dựng tiếp tục quan tâm giúp đỡ để COMA 7 có điều kiện phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu của ngành cơ khí xây dựng Việt Nam và tin tưởng rằng COMA 7 sẽ phát triển bền vững và thành công.

Huỳnh Phước

Hội thảo góp ý các định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình

Sáng ngày 10/8/2011 tại Hà Nội, Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam (VECAS) đã tổ chức hội thảo “Góp ý các định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình” dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng. Đến dự hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng Lê Văn Cư, đại diện các Cục, Vụ của Bộ Xây dựng, đại diện các Tiểu ban thuộc Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam.

Phát biểu tại hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn nhấn mạnh: thực hiện nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý trong xây dựng mà Thủ tướng Chính phủ ký năm 2006, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo Vụ Kinh tế, Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam chủ trì lấy ý kiến đóng góp để Bộ xem xét làm cơ sở điều chỉnh lại định mức chi phí tư vấn đã công bố tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009. Trong hơn một thập kỷ qua, ngành Xây dựng đã có những đóng góp to lớn vào sự tăng trưởng kinh tế và là ngành tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: đô thị hóa diễn ra rộng khắp, nhiều công trình mới hiện đại như sân bay, cảng biển... đã được xây dựng, thành tựu chung này có phần công sức không nhỏ của những người làm công tác tư vấn xây dựng. Với Quyết định 957/QĐ-BXD, Bộ Xây dựng đã đưa ra định mức chi phí tư vấn cụ thể cho 5 loại công trình, cho các bước tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát... Song do đặc thù của Việt Nam, những định mức này tới nay có nhiều điều chưa phù hợp, nhiều điều cần bổ sung, chỉnh sửa. Thứ trưởng Trần Văn Sơn cũng bày tỏ mong muốn qua cuộc hội thảo này, sẽ có thêm nhiều ý kiến đóng góp có giá trị để Bộ Xây dựng lấy làm căn cứ nghiên cứu sửa đổi các định mức chi phí cho phù hợp với nhu cầu của cuộc sống và xu hướng phát triển của thời đại.

Cũng tại hội thảo, các đại biểu đã nghe



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn (người ngồi giữa) chủ trì Hội thảo

tham luận của các Tiểu ban: Công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; Công trình công nghiệp; Công trình giao thông; Công trình thủy lợi; Công trình điện; Công trình bưu chính viễn thông. Các tham luận tập trung xoay quanh các đề xuất cũng như giải trình cho các đề nghị nâng mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

Theo đại diện các Tiểu ban, mặt bằng tiền lương tại Việt Nam trong thời gian 10 năm gần đây tăng lên hơn 4 lần, trong khi đó trượt giá xây dựng chỉ tăng lên chưa tới 2 lần (ví dụ: đối với công trình dệt may, năm 2000 giá xây dựng công trình là 100% thì năm 2010 là 175,22%). Định mức chi phí tư vấn tính theo % giá trị xây dựng công trình, đồng nghĩa với thu nhập của những người làm công tác tư vấn xây dựng chỉ tăng lên 2 lần - điều này không đảm bảo sự phát triển bền vững cho các doanh nghiệp tư vấn. Do đó, chủ trương của Bộ Xây dựng về điều chỉnh định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình theo phương châm “tính đủ, tính đúng, tiệm cận với thị trường” là rất kịp thời và đúng đắn.

Lệ Minh

Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến công nhân, viên chức, lao động toàn quốc ngành Xây dựng năm 2010

Ngày 30/8/2011 tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến công nhân, viên chức, lao động toàn quốc ngành Xây dựng năm 2010. Tới dự Hội nghị có Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình, đại diện lãnh đạo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Giao thông Vận tải, Công đoàn ngành Ngân hàng và 193 đại biểu điển hình tiên tiến của ngành Xây dựng năm 2010 trên cả nước.

Trong diễn văn khai mạc Hội nghị, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình đã nhiệt liệt biểu dương và chúc mừng thành tích của 193 tấm gương điển hình tiên tiến về dự Hội nghị, đại diện cho hàng ngàn cán bộ, công nhân, viên chức, lao động tiêu biểu của ngành Xây dựng trên các lĩnh vực lao động sản xuất và công tác.

Theo Báo cáo của Công đoàn Xây dựng Việt Nam do Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Phạm Quang Thịnh trình bày tại Hội nghị, thực hiện lời kêu gọi thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban thường vụ Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã chỉ đạo các cấp công đoàn trong Ngành tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thúc đẩy sản xuất, tạo không khí sôi nổi, động viên công nhân, viên chức, lao động phát huy tinh thần lao động sáng tạo, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết quả các phong trào thi đua năm 2010, có sự đóng góp trực tiếp, quan



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu chỉ đạo Hội nghị

trọng của cán bộ, công nhân, viên chức, lao động trên các lĩnh vực công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của toàn Ngành, tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật làm tiền đề cho sự phát triển của các ngành kinh tế khác trong công cuộc xây dựng đất nước.

Năm 2010, toàn Ngành đã phát động trên 300 đợt thi đua trên các công trình trọng điểm, duy trì có hiệu quả các cuộc vận động "Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng", "Tổ chức tốt điều kiện sống, làm việc của công nhân viên chức - lao động ngành Xây dựng", "Xây dựng lực lượng công nhân, viên chức, lao động ngành Xây dựng đáp ứng tình hình mới", các phong trào "Xanh-sạch-đẹp", "Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ", "Giải việc nước, đảm việc nhà", "Người cán bộ công chức Trung thành - Sáng tạo - Tận tụy- Gương mẫu"... Qua các đợt thi đua, nhiều cá nhân, tập thể đã được

Nhà nước, Bộ Xây dựng, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Xây dựng Việt Nam và các Bộ, ban, ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã biểu dương và chúc mừng 193 cá nhân - là tấm gương điển hình tiên tiến ngành Xây dựng năm 2010, và khẳng định đó là những hạt nhân, là động lực thúc đẩy các phong trào thi đua, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu của Ngành năm 2010.

Theo Thứ trưởng Cao Lại Quang, với mục tiêu đến năm 2020, đất nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thì nhiệm vụ và trách nhiệm của ngành Xây dựng là rất lớn. Tiếp tục đổi mới để phát triển, nâng

cao sức cạnh tranh của Ngành, của từng doanh nghiệp, từng sản phẩm ngành Xây dựng là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của ngành Xây dựng trong thời gian tới. Thứ trưởng Cao Lại Quang đề nghị các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới các phong trào thi đua theo hướng thiết thực, gắn liền với nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị, tiếp tục nhân rộng các tấm gương điển hình tiên tiến, tạo điều kiện cho các tấm gương điển hình tiên tiến tiếp tục phát huy nỗ lực trong công tác, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Ngành ngay từ năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

Minh Tuấn

Số phận của những di tích lịch sử văn hóa tại Moskva - những kẻ hỏ trong luật pháp

Tại thủ đô Moskva hiện nay có 5671 công trình là di sản văn hóa (2693 công trình thuộc Liên bang và 2924 công trình do thành phố quản lý). Trong số này có 2784 ngôi nhà, 102 công viên, 163 tượng đài, 235 tấm văn bia và hơn 2000 ngôi mộ. Ngoài ra, 1830 công trình trong đó là di sản văn hóa, 1318 công trình được đặt trong diện cần bảo vệ. Trong phạm vi thủ đô, 396 khu vực cần được bảo vệ đã được thiết lập, một trong số đó là toàn bộ khu hành chính Trung ương.

Tháng 10/2010, Cơ quan giám sát việc thi hành luật pháp trong lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa của quốc gia được đổi thành Ban Di sản văn hóa Moskva do ông A.V. Kibovski đứng đầu. Nhiệm vụ cơ bản của cơ quan này vẫn như trước đây, liên quan tới các vấn đề bảo vệ di sản văn hóa Moskva hiện nay – những vấn đề có tính chất pháp lý riêng trong việc bảo vệ di tích lịch sử văn hóa của thủ đô. Một thành phố hiện đại cần phải như thế nào? Nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa của mỗi công dân Nga, phù hợp

với yêu cầu của thời đại cũng như xu hướng phát triển của các siêu đô thị là gì? Mục đích bảo vệ tài sản quốc gia? Những mâu thuẫn giữa các biện pháp có tính nhân văn – thẩm mỹ và những biện pháp mang tính trực lợi đối với vấn đề bảo tồn không gian lịch sử xuất phát từ đâu? Nga có nên áp dụng kinh nghiệm của các nước phát triển châu Âu trong việc kiến tạo khả năng đưa các di sản văn hóa vào thực tế sử dụng thời hiện đại hay không? Những tranh luận gay gắt quanh các vấn đề xây dựng và tu bổ tôn tạo các tòa nhà tại trung tâm lịch sử Moskva vẫn còn tiếp tục. Ban Di sản văn hóa đề xuất trao tặng cho khu vực trung tâm thủ đô danh hiệu “danh thắng”, lập kế hoạch xây dựng theo từng quận trong phạm vi vòng cung Sadovskoe, và tiếp tục duy trì những phong cách kiến trúc được quy định trong quá trình xây dựng các khu nhà mới – đó là “truyền thống, hiện đại, và theo chủ nghĩa cấu trúc”. Ban Di sản văn hóa cho rằng, các nhà kiến trúc cần từ bỏ phong cách “hi-tech”, bởi vì hiện nay các công trình đi theo xu

hướng này đã có mặt khắp nơi.

Vấn đề tháo dỡ các ngôi nhà cũ cũng như những tổn hại đối với các công trình mang tính lịch sử cũng được quan tâm. Theo ông A.Kibovski, qua số liệu thống kê, hiện Moskva có 5617 công trình là di sản văn hóa cả cấp thành phố và quốc gia. Song cũng có nhiều ngôi nhà cổ rất độc đáo không nằm trong danh mục này. Đó chính là những ngôi nhà nằm trong khu vực nguy cơ. Ví dụ: Bách hóa tổng hợp “Voenyi torg” không được xếp vào hàng di tích, và đã có một số phận đáng buồn. Không phải tất cả các ngôi nhà cũ đều là di tích, cũng như không phải tất cả các di tích đều cũ. Để không lặp lại những sai sót của quá khứ, ngay từ đầu cần xác định một chiến lược hành động hướng đến mục tiêu 10 -15 năm tới, cũng như thành quả cuối cùng của công việc. Khi đó, cơ chế quản lý các công trình di sản văn hóa sẽ dễ dàng được tiếp nhận hơn, trong đó những ưu tiên cho vấn đề ngân sách được xác định rõ. Ban Di sản văn hóa đã mời các chuyên gia và các tổ chức xã hội tham gia chuẩn bị cho dự thảo văn kiện này. Đây là văn bản rất quan trọng, có thể trở thành những điều luật cơ bản để xây dựng toàn bộ hệ thống Luật bảo vệ di sản.

Tòa nhà Ủy ban Tài chính quốc gia trên tuyến đường vòng Sadovskoe có thể được coi là một di tích của chủ nghĩa cấu trúc từ thời Liên bang Xô viết, và đã được UNESCO đưa vào danh sách các công trình “sắp biến mất”. Số phận bi thảm của tòa nhà này đã phản ánh gần như trọn vẹn thực trạng công tác bảo vệ các công trình kiến trúc trong suốt 2 thập kỷ qua: tình trạng hư hỏng xuống cấp của ngôi nhà; các giá trị văn hóa lịch sử được công nhận một cách muộn màng; giấy tờ lộn xộn, thất lạc... Và đương nhiên, tòa án đã ra phán quyết : ngôi nhà ủy ban không phải là ngôi nhà ủy ban. Tòa cho rằng, chẳng có chứng cứ nào đủ thuyết phục để chứng minh ngôi nhà số 25 phố Tchaikovski trước kia cũng chính là ngôi nhà số 25 đại lộ Novinski ngày nay. Đó không phải là

trường hợp duy nhất: do các văn bản BTI (các tổ chức của nhà nước có chức năng kê khai đăng ký bất động sản tại Nga và Ucraina) có nhiều dị bản mà tòa án đã để lọt rất nhiều di tích. Để có thể tiến hành sửa chữa cơ bản tòa nhà số 25 trên cần có sự liên kết trong quản lý, sự thu hút các nguồn vốn đầu tư nghiêm túc cũng như tiến hành các công tác trùng tu và công tác kỹ thuật một cách tổng hợp trên quy mô lớn. Ngôi nhà gần như chẳng còn thuộc quyền sở hữu của thành phố nữa, do tất cả cư dân trong nhà đều sở hữu những căn hộ riêng. 36 gia đình sau đó đã bán căn hộ của mình cho một chủ đầu tư có thể thiết kế tu bổ lại ngôi nhà. Tuy nhiên còn 6 căn hộ nữa chủ đầu tư đàm phán không thành công. Kết quả là mọi việc đi vào ngõ cụt. Và đây cũng chẳng phải là trường hợp duy nhất.

Những ngôi nhà có nhiều căn hộ – di tích là một trong những nhóm bất động sản còn tồn tại nhiều vấn đề nhất. Theo luật, thành phố chỉ có quyền chi từ ngân sách cho những tòa nhà và những căn hộ thuộc sở hữu của mình. Còn có những công trình thuộc về cơ quan nhà nước, và có những ngôi nhà mà trong đó ngoài các hộ tập thể là những căn hộ riêng, và cả những ngôi nhà mà tầng trệt là các văn phòng và cửa hàng tư nhân. Những hiệp hội của các chủ sở hữu bất động sản đã được thành lập. Chiếu theo luật pháp, họ yêu cầu phải làm sao để tài sản được chuyển giao cho họ còn trong tình trạng tốt. Nhưng nếu như đó là nhà - di tích thì nó lại không được tính vào chương trình sửa chữa cơ bản thông thường của thành phố, một khi bước vào giai đoạn phải tu bổ lại. Ngoài ra, những tiêu chí của cuộc sống cũng đã thay đổi, và ngày nay nhiều công dân không thể thích nghi với những tiêu chuẩn cũ : ai cũng muốn cảm nhận được sự tiện nghi, họ sửa đổi lại căn hộ của mình, thay cửa sổ, lắp kính cho ban công, đặt máy điều hòa và anten bên ngoài. Tóm lại, mỗi người đều tự ý sửa đổi theo cách riêng tùy vào túi tiền của mình . Kết cục là ngôi nhà bị

chia nhỏ thành từng căn hộ riêng biệt, điều này dẫn đến: không chỉ tính pháp lý mà ngay cả kiến trúc bên ngoài ngôi nhà cũng bị thay đổi. Càng nhiều căn hộ trong một ngôi nhà thì vấn đề càng “nóng”. Tình hình còn phức tạp hơn bởi tình trạng của các tòa nhà cũ không còn đáp ứng được các yêu cầu vệ sinh và phòng cháy hiện đại. Công tác quản lý dân cư trong những ngôi nhà này do thành phố điều hành, cơ bản là dựa vào ngân sách, bởi những công trình như vậy hiện tại không thể là mục tiêu của các nhà đầu tư, và hoàn toàn không thể rõ có thể làm gì tiếp theo với những ngôi nhà như vậy? Biến chúng thành các khu nhà - bảo tàng? Tu bổ lại? Đập đi xây mới song vẫn giữ nguyên quy cách và kiến trúc bên ngoài? Theo ông A. Kibovski, vấn đề này cần những giải pháp cụ thể, bởi vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của rất nhiều người dân.

Có nên bảo vệ các di tích tương tự như vậy, mục đích của công việc này là gì? Câu hỏi này hiện nay Ban Di sản văn hóa cần phải đưa ra được lời giải đáp. Theo ông A. Kibovski, phần lớn dân chúng hiện nay sẽ dễ dàng hơn khi trả lời: các di tích này vì sao chẳng cần phải bảo vệ? - để xây dựng những công trình ở mới tiện nghi, mở mang đường xá, xây dựng hạ tầng thương mại hiện đại...; nói tóm lại là thiết lập một cuộc sống tiện nghi hơn. Còn đối với câu hỏi: tại sao cần phải gìn giữ các di tích? - mỗi người lại có một câu trả lời khác nhau, khá chung chung và mơ hồ. Chẳng hạn như: theo luật pháp thì cần bảo vệ. Điều này tất nhiên đúng, nghĩa vụ này đã được quy định trong Luật. Nhưng thực hiện nghĩa vụ mà không hiểu gốc rễ và tầm quan trọng của vấn đề thì chẳng khác gì gánh một gánh nặng trên vai. Và những kết cục đáng buồn từ những sự việc trên chúng ta có thể nhìn thấy mỗi ngày. Đáng tiếc là có nhiều người yêu thích di sản văn hóa ở đâu đâu, nhưng chỉ cần động đến quyền lợi riêng của họ, thì chính những người đã từng đau buồn vì “ cái chết của Moskva cổ”, lại phần nộ đòi được coi như thêm

một căn gác sát mái. Những người thực tâm muốn cứu Moskva không nhiều.

Xây dựng một thái độ cư xử đúng đắn đối với các di tích là một nhiệm vụ rất quan trọng. Các biện pháp xử phạt hoặc tòa án sẽ buộc mọi người phải có trách nhiệm gìn giữ bảo vệ các di tích, nhưng những biện pháp đó chưa thể truyền cho mọi người lòng yêu mến và trân trọng những giá trị kiến trúc.

Thời nào cũng vậy, lý do phản đối việc bảo tồn di sản chính là mâu thuẫn giữa kinh tế và thẩm mỹ học, giữa hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc. Bên cạnh đó, những hạn chế của luật pháp cũng tạo điều kiện cho các đồ án “chui” vô lương tâm ra đời. Đối với những đồ án này thì một ngôi nhà cổ chẳng có giá trị gì hết – đất rất cần để xây công trình mới. Và một khi đã bán hoặc chuyển nhượng di tích, bỏ qua mọi trách nhiệm, thì người ta luôn làm sao để cuối cùng “ người sở hữu tốt bụng” trở thành người có mảnh đất “ tinh tươm” ngay trung tâm Moskva. Mục đích chính: “không còn di tích – không còn vấn đề gì nữa” đã đạt được bằng bất cứ hình thức nào. Để chấn chỉnh lại tình hình công tác bảo tồn di sản cũng như xác định thái độ đúng đắn đối với không gian lịch sử cần có một loạt các biện pháp đồng bộ, trong đó cần cả sự phối hợp của các nhà kiến trúc – chuyên gia hiện đại.

Vấn đề cũng vô cùng nan giải đối với những ngôi nhà - di tích đã bị bỏ không, những ngôi nhà không cửa sổ, bị vây kín bởi các tấm lưới xây dựng – chỉ riêng khu vực trung tâm đã có 44 ngôi nhà như thế. Nhìn tổng thể thì hiện nay tình trạng của 696 ngôi nhà cổ được đánh giá là không bảo đảm, 139 ngôi nhà trong tình trạng báo động. Đáng lý nên xây các mái tạm, tra cửa sổ vào, bảo đảm ngôi nhà được sưởi ấm ở mức tối thiểu. Song các chi phí không nhỏ này thì ai gánh? Ngân sách thành phố chỉ có quyền chi trả cho những gì mà mình quản lý. Trong các trường hợp còn lại, các chủ sở hữu cần tự hạch toán. Trong khi đó, một bộ phận các căn

nhà thuộc quyền sở hữu liên bang, một số là nhà tư nhân, một số là nhà thế chấp, ...Có những trường hợp, ví dụ, chủ sở hữu ngôi nhà chỉ có trên giấy tờ, thực tế không tồn tại. Để buộc chủ sở hữu quan tâm hơn tới những gì mình sở hữu, chỉ hồ khẩu hiệu xuống thì chưa đủ. Cần có một hệ thống mà dựa vào đó việc bảo vệ các công trình sẽ thuận lợi hơn về mặt kinh tế.

Vấn đề này còn động chạm đến các tượng đài, chẳng hạn như tượng đài nổi tiếng “Nam công nhân và nữ nông dân”, để khai thác tượng đài này cần một đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm. Các tượng đài Pushkin, Gogol, Griboedov và 150 tượng đài nữa cho tới nay cũng chưa hề được đăng ký sở hữu cả với chính quyền liên bang lẫn chính quyền thành phố. Thông qua tòa án chúng cần được đăng ký để có thể nhận tài trợ cho công tác phục chế. Quá trình phân giới các tượng đài cần kết thúc càng sớm càng tốt, trên thực tế phần lớn các tượng đài này chỉ do thành phố quản lý. Tuy nhiên, 2714 di tích thuộc cấp Liên bang hoàn toàn phải nằm trong sự bảo vệ của nhà nước, do nhà nước trực tiếp quản lý giám sát, nhiệm vụ này đã được bàn giao cho Ban Di sản văn hóa. ở đây vẫn còn tồn tại một vài bất cập. Ví dụ, Lăng trên Quảng trường Đỏ cho tới nay vẫn được coi là “Lăng Lênin và Stalin”- bởi vậy, Lăng đã được đặt trong sự bảo vệ của nhà nước từ những năm 60 của thế kỷ trước. Nếu không có sự bàn giao quyền hạn của Liên bang, thành phố chỉ tiến hành công tác trùng tu các di tích do thành phố quản lý. Chương trình trùng tu của thành phố cũng khớp với chương trình của Liên bang về quy mô và khối lượng tài trợ: hàng năm dựa vào ngân sách người ta đã tiến hành sửa chữa 80 ngôi nhà, gần 100 bức tượng, tượng đài và 350 bia mộ. Tại Moskva, mỗi năm công việc này được tiến hành trên 200 ngôi nhà có tính lịch sử, với nguồn vốn từ ngân sách liên bang, cộng với nguồn tài trợ của tư nhân được gia tăng hàng năm. Năm 2010, khối lượng đầu tư chung của

khu vực tư nhân là 1,5 tỷ rúp. Mọi việc tương đối rõ ràng với các tòa nhà công- chẳng hạn bách hóa “Thế giới trẻ em” vẫn giữ chức năng là cửa hàng đồ chơi cho trẻ em như trước kia; so với những tòa nhà như vậy thì việc trùng tu các dinh cơ biệt thự tư nhân phức tạp hơn, như việc khôi phục lại khu biệt thự Muravev – Apostol kéo dài đã 10 năm nay là một ví dụ. Người thừa kế không có một ưu tiên gì khác. Nếu có quy định về việc xử phạt do không thực hiện nghĩa vụ bảo tồn di tích, thì cũng cần phân biệt một số ưu tiên cho những người tuân thủ mọi quy định, cho dù họ vẫn phải đóng thuế. Nhưng nếu như giờ đây người thừa kế này muốn có ngôi nhà - tổ ấm cho riêng mình, người ta sẽ định giá ngay khu nhà thừa kế mà chẳng cần đếm xỉa đến tình trạng trước đây của nó. Kết cục là anh ta sẽ phải chi trả một lần nữa cho tất cả những gì mà mình đã đầu tư. Những công trình tương tự có rất nhiều. Và với cách tính toán như vậy, đương nhiên những chủ thuê thường né tránh các công việc tu sửa mà họ phải chi trả toàn bộ. Điều 14 Luật Liên bang quy định: chủ sở hữu/chủ thuê có quyền đối với khoản đền bù cho số vốn đã đầu tư vào việc tu bổ. Song cơ chế thực hiện quy định này hiện chưa có. Còn phải xác định khối lượng công việc đã hoàn thành, việc thực hiện các công việc đó. Phòng trà nổi tiếng trên phố Myasnistka được phục dựng rất tốt, chức năng lịch sử của phòng trà vẫn được giữ nguyên. Khi ngôi nhà trở thành tài sản riêng, chủ đầu tư có quyền khấu trừ các khoản chi phí. Vậy tính các khoản này như thế nào? Việc nào liên quan tới công tác trùng tu? Việc nào không? Xác định chi phí theo tiêu chuẩn nào và đánh giá nào? Nếu áp dụng các vật liệu hoặc trang thiết bị quá đắt, ngân sách có phải chi bù không? ...Hiện tại, đó là những câu hỏi rất khó tìm lời giải đáp.

Hiện tại, Ban Di sản văn hóa đang tiến hành công tác tu bổ với 25 công trình. Trong năm 2011, Bảo tàng Tropinin đã mở cửa đón khách vào tham quan. Công tác tu bổ nhà thờ Kliment

ở ngoại vi Moskva dự kiến sẽ hoàn thành vào năm sau, nhân dịp kỷ niệm 200 năm cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại năm 1812. Việc trùng tu quy mô khu dinh thự của tướng Soimonov cũng đã được hoàn thành. Hiện tại hàng năm Moskva tu bổ bình quân 200 công trình, chủ yếu là dựa vào nguồn vốn tư nhân.

Mỗi thành phố có những đặc điểm xây dựng riêng, cũng như sở hữu vùng tiểu khí hậu và không gian lịch sử riêng của mình. Tại các nước châu Âu việc xây dựng cũng được tiến hành theo những cách khác nhau. Lẽ nào Moskva lại xây một công trình gì đó giống như khu bảo tàng thành Viên, còn khắp nơi là các bãi đỗ xe tương tự như một vài thành phố có tính lịch sử của các nước phương Tây? Thực chất vấn đề lớn của chúng ta hiện nay chính là nhiều kiến trúc sư Moskva không biết thiết kế làm sao cho phù hợp với không gian lịch sử đặc trưng của

thủ đô. Mỗi dự án mới đều có tác giả riêng, do đó đây đã là một câu hỏi về tính chuyên nghiệp và tính thẩm mỹ của cộng đồng kiến trúc. Ông A. Kibovski tin tưởng rằng, việc tự do tham quan các di tích văn hóa lịch sử cần phải đưa vào kiến thức xã hội của mỗi công dân thủ đô. Tới đây, những ai có nhu cầu đều có thể thưởng lãm quảng trường Pushkin cũ, Vavarka... và rất nhiều danh lam thắng cảnh khác, cũng như cả kho ảnh lưu trữ khổng lồ trên website của Ban Di sản văn hóa; còn Nhà Trắng sẽ biến thành trung tâm sinh hoạt cộng đồng dành cho những người tâm huyết với di sản văn hóa – lịch sử của Moskva.

Nhikonov N.N.

*Nguồn : Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng
Moskva, tháng 3-4/2011*

ND: Lê Minh

Sáng tạo cơ chế quản lý môi, xây dựng đô thị hài hòa

Thành phố Thành Đô nằm ở giữa tỉnh Tứ Xuyên, rộng 12.390 km², dân số 11,034 triệu dân, trong đó có 4,97 triệu dân nội thành, là trung tâm khoa học kỹ thuật, thương mại và tài chính của khu vực Tây Nam Trung Quốc, có vị trí then chốt về giao thông và thông tin, đứng đầu khu vực miền tây về thực lực tổng hợp. Gần đây, căn cứ vào bố trí chiến lược tổng thể đồng thời phát triển đô thị và nông thôn, định vị mục tiêu xây dựng thành một đô thị thân thiện với môi trường do Thành ủy và chính quyền thành phố đề ra, công tác quản lý đô thị thành phố Thành Đô lấy việc sáng tạo cơ chế mới làm động lực, vừa thúc đẩy cải cách, vừa quản lý hữu hiệu, không ngừng nâng cao chất lượng và trình độ quản lý đô thị. Bộ mặt và môi trường của toàn thành phố được cải thiện hữu hiệu, nét đặc sắc của thành phố ngày càng rõ nét, hình tượng đô thị được nâng cao rõ rệt. Thành phố Thành Đô giành được nhiều danh hiệu như “thành phố vệ sinh cấp nhà nước”, “thành phố

có môi trường ưu tú cấp nhà nước”, “thành phố điển hình về bảo vệ môi trường”, “thành phố du lịch đẹp nhất Trung Quốc”..., chất lượng môi trường cư trú, môi trường làm việc không ngừng nâng cao, sức cạnh tranh tổng hợp đô thị được cải thiện rõ rệt.

I. Sáng tạo cơ chế mới, xây dựng cục diện quản lý đô thị nhất thể hóa đô thị và nông thôn

Trình độ quản lý đô thị là một trong những tiêu chí quan trọng của hình tượng đô thị. Là một đô thị trung tâm đặc biệt lớn, đô thị văn minh trong cả nước, gần đây, thành phố Thành Đô dốc sức vào sáng tạo cơ chế quản lý mới, cố gắng tạo dựng cơ chế quản lý đô thị đáp ứng được yêu cầu của đô thị hàng đầu trên thế giới. Thông qua cải cách và tìm tòi trong thực tiễn, thành phố Thành Đô đã hình thành thể chế quản lý và cơ chế vận hành đô thị “hai cấp chính quyền, ba cấp quản lý, bốn cấp mạng lưới” dựa trên cơ sở “chế độ phân công trách nhiệm”.

1. Xây dựng cục diện công tác “quản lý tổng hợp đô thị”

Năm 2002, ở lĩnh vực quản lý đô thị, thành phố Thành Đô đã triển khai thí điểm quyền xử phạt hành chính tập trung, thực hiện quyền xử phạt hành chính tương đối tập trung trong quản lý bộ mặt đô thị, công viên, thị chính, quy hoạch, bảo vệ môi trường, công thương, vệ sinh..., ban hành “Biện pháp tạm thời về xử lý hành chính tập trung trong quản lý đô thị thành phố Thành Đô”, xây dựng bộ máy chấp pháp hành chính quản lý đô thị. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị trung tâm cực lớn, đẩy mạnh cải cách thể chế quản lý đô thị, đồng thời phát triển đô thị và nông thôn, thực hiện chiến lược phát triển khoa học, đầu năm 2006, thành phố Thành Đô chỉnh đốn bộ mặt đô thị quản lý công trình thị chính và chức năng chấp pháp hành chính quản lý đô thị, thành lập Tổng cục Quản lý đô thị thành phố Thành Đô có quyền quản lý hành chính tương đối tập trung. Trong khu nội thành thành phố Thành Đô có 3 Cục, dưới Cục có các đội quản lý đường phố. Cục chỉ tiến hành chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đội, vẫn theo thể chế hai cấp chính quyền, ba cấp quản lý. Để giải quyết vấn đề thiếu nhân viên khi chấp pháp, các đội quản lý kết hợp với nhân viên tự quản đường phố, nhân viên trị an cùng chấp pháp, biện pháp này giải quyết hữu hiệu vấn đề thiếu lực lượng nhân viên chấp hành. Cuối năm 2006, 19 huyện thị và khu phát triển kỹ thuật cao thành lập Tổng cục Quản lý đô thị với chức năng tương tự, điều chỉnh thể chế quản lý đô thị của thành phố, khu vực, đường phố và cộng đồng, làm rõ chức năng và trách nhiệm, tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả, bước đầu hình thành Tổng cục diện “quản lý tổng hợp đô thị”, nhất thể hóa quản lý và chấp pháp, phân công bên trong.

2. Cải cách cơ chế thể chế quản lý đô thị, cải cách và sáng tạo cơ chế quản lý đô thị theo yêu cầu tổng thể lấy con người làm gốc và quản lý khoa học

- Đề ra hệ thống “Tiêu chuẩn quản lý đô thị”, đặt nền móng cho việc tiêu chuẩn hóa, quy phạm hóa và bình thường hóa quản lý đô thị.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá kiểm tra quản lý đô thị, Tổng cục Quản lý đô thị quản lý kiểm tra các Cục, các đội quản lý, chủ yếu dựa trên công tác quản lý năng lực chấp pháp và công tác giám sát kiểm tra. Kết quả kiểm tra được đưa vào hồ sơ kiểm tra thành tích công tác của các cấp chính quyền, thực hiện cơ chế quản lý đô thị toàn diện và cơ chế kiểm tra quản lý đô thị “một phiếu phủ quyết”.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm kinh phí đô thị và hệ thống thu lệ phí xử lý rác thải đô thị, tỷ lệ đóng lệ phí trên 65%.

- Xây dựng và hoàn thiện chế độ trách nhiệm “5 khoán vỉa hè” (bao gồm khoán vệ sinh, khoán trật tự bộ mặt đô thị, khoán bên ngoài công trình xây dựng, khoán văn minh đô thị, khoán phủ xanh đối với các cửa hàng cửa hiệu, cả thành phố đã có 150 nghìn giấy cam kết trách nhiệm được ký kết, quy phạm hóa hành vi thương nghiệp, cải thiện môi trường khu nội thành, hình thành cục diện quản lý đô thị trong đó các nhà buôn, đội viên quản lý đô thị, nhân viên tự quản, nhân viên trật tự... thúc đẩy lẫn nhau.

- Xây dựng cơ chế các ngành, khu vực, huyện thị cùng thúc đẩy lẫn nhau quản lý đô thị, thực hiện giám sát hiệu quả giám sát hành chính, nâng cao hiệu quả và trình độ quản lý đô thị, cải thiện rõ rệt chất lượng không khí.

- Triển khai công tác số hóa quản lý đô thị, đẩy mạnh thông tin hóa, tiêu chuẩn hóa, cụ thể hóa và động thái hóa quản lý đô thị, thực hiện quản lý toàn diện trong mọi giai đoạn, tiền vốn đầu tư hơn 80 triệu NDT, dẫn đầu cả nước trong việc xây dựng hệ thống số hóa quản lý đô thị theo hai cấp thành phố và khu vực, được Bộ Xây dựng nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

- Khuyến khích nhiều người tình nguyện tham gia công tác quản lý đô thị, các khu vực và huyện thị đều thành lập đội ngũ tình nguyện

viên quản lý đô thị, khiến cho quần chúng nhân dân đều tham gia quản lý đô thị.

II. Quản lý cụ thể hóa, nâng cao trình độ công tác quản lý đô thị

Mấy năm gần đây, do tiến trình đô thị hóa của thành phố Thành Đô không ngừng được tăng cường, cơ cấu nhị nguyên đô thị và nông thôn từng bước bị phá bỏ, quy mô đô thị không ngừng mở rộng, trọng điểm quản lý ngày càng rõ nét, nên quản lý cụ thể hóa trở thành yêu cầu thiết yếu để công tác quản lý đô thị đồng thời chú trọng mô thức quản lý thành thị và nông thôn, xây dựng Thành Đô thành một đô thị hài hòa.

1. Cải cách thị trường hóa sâu sắc, tăng cường quản lý môi trường

Gần đây, Thành Đô không ngừng đi sâu cải cách thị trường hóa công tác vệ sinh môi trường, không ngừng nâng cao trình độ quản lý và hiệu quả vệ sinh môi trường.

- KIỆN TOÀN VÀ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ KINH DOANH THỊ TRƯỜNG HÓA QUẢN LÝ ĐÔ THỊ, ĐƯA TRÁCH NHIỆM QUÉT DỌN VỆ SINH ĐÔ THỊ TỚI TẬN CẤP CHÍNH QUYỀN ĐƯỜNG PHỐ VÀ BAN TỰ QUẢN, theo phương thức chính quyền khoán trắng dịch vụ, thông qua biện pháp thị trường hóa để lựa chọn các doanh nghiệp vệ sinh môi trường có trang thiết bị tiên tiến, trình độ quản lý quy phạm đảm nhận công tác quét dọn giữ vệ sinh đường phố, nâng cao hiệu quả quét dọn giữ vệ sinh đường phố, giải quyết vấn đề vệ sinh môi trường... Đồng thời, nâng tiền lương hàng tháng cho công nhân vệ sinh môi trường lên 700 NDT/người, mang lại cho họ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- KIỂM TRA TIÊU CHUẨN HÓA VỆ SINH MÔI TRƯỜNG. Đề ra "Một vài ý kiến chỉ đạo quy phạm thị trường hóa quản lý tác nghiệp vệ sinh môi trường khu nội thành", bố trí các nhân viên chuyên trách kiểm tra chất lượng vệ sinh đường phố, thực hiện chế độ đào thải các doanh nghiệp vệ sinh môi trường không đủ năng lực, hàng ngày đều kiểm tra chấm điểm hiện trường quét dọn vệ sinh khu nội thành, trung cầu ý kiến

nhân dân và công bố kết quả trên các phương tiện thông tin đại chúng, tăng cường các khâu còn non yếu trong quản lý vệ sinh, triệt để phát huy tác dụng cơ sở của thị trường trong bố trí tài nguyên. Hiện nay, 1674 đường phố (21,49 triệu m²), 401 chiếc cầu đô thị, 5,64 triệu m² đường bộ hành khu nội thành trung tâm thành phố Thành đô cơ bản đã thực hiện thị trường hóa quản lý kinh doanh việc quét dọn giữ vệ sinh, duy tu bảo dưỡng đường phố và thu gom xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn.

2. Quy phạm quản lý biển quảng cáo đường phố, tăng cường quản lý bảo dưỡng công trình chiếu sáng

Quy phạm quản lý vị trí đặt biển quảng cáo đường phố, bán đấu giá công khai các vị trí đặt biển quảng cáo mang tính kinh doanh trên đường phố, bảo đảm quy phạm hóa, tiêu chuẩn hóa công tác an toàn chiếu sáng đô thị.

- ĐỀ RA QUY HOẠCH. Căn cứ vào quy hoạch tổng thể đô thị, đề ra và sửa đổi "Quy hoạch chi tiết về biển quảng cáo ở khu trung tâm nội thành thành phố Thành Đô", "Quy hoạch tổng thể chiếu sáng thành phố Thành Đô" và "Quy hoạch trong thời kỳ kế hoạch năm năm lần thứ 11 của thành phố Thành Đô", quy hoạch chi tiết về vị trí, phương thức và kỹ thuật lắp đặt biển quảng cáo, đặt cơ sở cho chiếu sáng đô thị.

- BÁN ĐẤU GIÁ VỊ TRÍ QUẢNG CÁO KINH DOANH. Thành lập Trung tâm bán đấu giá vị trí quảng cáo kinh doanh, bán đấu giá vị trí quảng cáo kinh doanh phù hợp với quy hoạch và đã được phê chuẩn, dینگ 40% số tiền bán đấu giá vào công tác quản lý đô thị.

- KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ NHỮNG TRƯỜNG HỢP QUẢNG CÁO TRÁI QUY ĐỊNH, ĐƯA TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ TỚI TỪNG KHU VỰC, ĐƯỜNG PHỐ, KHUYẾN KHÍCH CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG, QUẦN CHÚNG XÃ HỘI THAM GIA GIÁM SÁT QUẢN LÝ, KIÊN QUYẾT THÁO BỎ NHỮNG BIỂN QUẢNG CÁO TRÁI QUY ĐỊNH, NGĂN CHẶN HỮU HIỆU NHỮNG HIỆN TƯỢNG QUẢNG CÁO TRÁI QUY ĐỊNH Ở KHU TRUNG TÂM NỘI THÀNH.

- Tăng cường quản lý bảo dưỡng công trình

chiếu sáng đô thị. Mấy năm gần đây, đã tiến hành hơn 600 nghìn lần tuần tra các phố, xử lý 11 nghìn sự cố vận hành, thay hơn 36 nghìn bảng đèn, 91,8 đường dây cũ, tỷ lệ chiếu sáng đạt 99,3%, tỷ lệ công trình chiếu sáng vận hành tốt đạt 96,8%, tỷ lệ xử lý kịp thời sự cố đạt 100%.

3. Xử lý tổng hợp môi trường thành thị và nông thôn, cải thiện chất lượng môi trường đô thị

Gần đây, nhờ vào công tác xử lý tổng hợp môi trường thành thị và nông thôn với nội dung chủ yếu là làm sạch, phủ xanh, chiếu sáng và làm đẹp, đã thay đổi cơ bản bộ mặt thành thị và nông thôn.

- Chinh đốn môi trường cộng đồng. Với nội dung chủ yếu là dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép, xử lý các điểm bán hàng trái phép, cải tạo tuyến đường ống đường dây, tăng cường phủ xanh, quét sạch vệ sinh các ngõ ngách, xây dựng đồng bộ công trình vệ sinh môi trường, dỡ bỏ các rào cản tạm thời trên đường phố, thành phố Thành Đô đã chinh đốn toàn diện môi trường đối với hơn 370 khu vực trong phạm vi nội thành.

- Đẩy mạnh chỉnh trang bộ mặt đô thị. Hoàn thành công tác chỉnh trang 417 đường phố khu trung tâm, tăng cường chỉnh trang các đường bộ hành, trật tự đô thị, cửa hàng cửa hiệu, chỉnh đốn công trình xây dựng và biển quảng cáo. Đồng thời, chú trọng xây dựng 26 khu phố giàu nét đặc sắc.

- Đồng thời chỉnh đốn thành thị và nông thôn. Song song với việc chỉnh đốn môi trường khu nội thành, thành phố còn tổ chức chỉnh đốn 20 con đường liên thông giữa các huyện ngoại ô với đường vành đai số 3 khu trung tâm nội thành và các khu vực lân cận, chỉnh đốn môi trường khu vực nơi chính quyền huyện sở tại và 30 thị trấn điển hình về bộ mặt đô thị.

- Xử lý ô nhiễm bụi. Quản lý chặt chẽ hiện trường xây dựng công trình, hiện trường dỡ bỏ công trình, hiện trường xây dựng công trình thi

chính..., nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc che kín hiện trường thi công, rửa sạch xe ra vào hiện trường thi công; tăng cường giám sát và quản lý xe chở rác thải xây dựng, chở nguyên vật liệu xây dựng, phạt nặng các hành vi rơi vãi rác dọc đường gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác quét dọn giữ vệ sinh và gội rửa đường phố; xử lý những nơi đất còn lộ ra trong công trình phủ xanh; bê tông hóa nơi tiếp giáp giữa đường sá nông thôn và đường phố đô thị; cấm xe bẩn vào thành phố, thiết thực tăng cường vệ sinh xe cộ.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn. Từ năm 2006, xây dựng hệ thống thu gom, chuyên chở và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn theo mô thức “hộ gia đình tập trung, thôn thu gom, thị trấn chuyên chở, huyện xử lý”. Cuối năm 2009, đã hoàn thành thu gom xử lý rác thải khu nội thành và các thị trấn nông thôn. .

4. Tăng cường quản lý bảo dưỡng đường sá đô thị, bảo đảm an toàn giao thông

Đường sá là công trình cơ bản quan trọng của đô thị, là phương tiện thực hiện chức năng đô thị. Gần đây, thành phố triển khai nhiều biện pháp tăng cường quản lý bảo dưỡng công trình giao thông đường sá, bảo đảm an toàn giao thông.

- Trên cơ sở kiểm tra kết cấu, đăng ký xử lý, loại bỏ hậu họa, thực hiện chế độ trách nhiệm quản lý cầu đường trong khu trung tâm nội thành, mở rộng công tác quản lý cầu đường từ khu nội thành tới các huyện ngoại ô, xử lý thống kê cầu đô thị của 14 huyện ngoại ô, xác định chủ thể trách nhiệm.

- Điều chỉnh chủ thể quản lý lan can đường sá đô thị, quản lý thống nhất lan can đường sá đô thị trong đường vành đai số 3, triệt để cải thiện tình trạng bẩn thỉu rách nát của lan can đường sá.

- Đề ra “Quy định kiểm tra và giám sát quản lý đường xá đô thị thành phố Thành Đô”, “Quy định về công tác tuần tra cầu đường đô thị khu

vực trung tâm nội thành”, “Một vài ý kiến về tiếp tục tăng cường quản lý đường xá khu vực trung tâm nội thành”..., tăng cường quản lý cầu đường đô thị, tiến hành tuần tra và duy tu thường xuyên đối với 421 tuyến đường đô thị và 147 chiếc cầu đô thị, xây dựng và hoàn thiện 537 tuyến đường đô thị thông suốt với diện tích 171.460 m², quy phạm hóa quản lý cầu đường đô thị, không ngừng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật.

III. Mạnh dạn tìm tòi sáng tạo, hoàn thiện chức năng và cơ chế quản lý đô thị

Quản lý đô thị quy phạm và hiệu quả cao không những là các khâu quan trọng có thể bảo đảm cho quy hoạch đô thị, xây dựng đô thị tiến hành thuận lợi, mà còn là một nhu cầu bức thiết phải hiện đại hóa, quốc tế hóa đô thị. Hiện nay, thành phố Thành Đô đang tích cực tìm tòi trong công tác quản lý đô thị tương ứng với đô thị quốc tế hiện đại.

1. Điều chỉnh chức năng quản lý đô thị

Hiện nay, thành phố Thành đô có 24 đơn vị nắm quyền chấp pháp quản lý hành chính, đề ra hơn 2500 quy định điều lệ... Theo các nguyên tắc mang tính liên quan và yêu cầu chung, thành phố Thành Đô dựa trên cơ sở chức năng quản lý đô thị có sẵn, tích cực nghiên cứu, điều chỉnh một phần chức năng chấp pháp, quản lý hành chính như quy hoạch, vệ sinh môi trường, phủ xanh, sông đào đô thị và công trình thoát nước đô thị, công thương, bảo vệ môi trường..., tập trung chú trọng vào tay ngành quản lý đô thị, xác định rõ giới hạn chức năng, phân công minh bạch, xây dựng đội ngũ chấp pháp tổng hợp và chuyên ngành.

2. Sáng tạo cơ chế quản lý đô thị

- Xây dựng chế độ quản lý gọi thầu công tác quản lý đô thị. Chia khu trung tâm nội thành ra thành mấy phân khu quản lý, mời các đơn vị chấp pháp đấu thầu, nhận thầu quản lý hoạch định khu vực, thực hiện mạng lưới hóa quản lý. Về nguyên tắc, kỳ hạn nhận thầu là một năm. Đồng thời, Cục Quản lý đô thị thành phố thống

nhất quản lý đội ngũ chấp pháp quản lý đô thị trong toàn thành phố, chia thành mấy đội chấp pháp, nhân viên của các đội chấp pháp không cố định, mỗi năm thay đổi một lần. Kinh phí của đội ngũ chấp pháp tổng hợp được khoán trắng cho sử dụng, do cấp thành phố và cấp huyện chịu trách nhiệm cung cấp.

- Xây dựng chế độ kiểm tra xử lý các vị trí trọng điểm. Chính đốn những điểm nóng, điểm khó trong quản lý đô thị như các ngõ ngách trong toàn thành phố.... Đề ra và hoàn thiện các biện pháp tương đối có hiệu quả dài hạn, giám sát trọng điểm. Từng bước xây dựng chế độ phạt lao động công ích đối với những khu vực thường xuyên vi phạm quy định, nâng cao ý thức tự giác của mọi người, hóa giải mâu thuẫn giữa người quản lý và người bị quản lý.

- Xây dựng chế độ hiệp đồng quản lý ở những nơi giáp ranh. Đối với những nơi giáp ranh giữa các đường phố, các khu vực, kết hợp thực tế của mỗi địa phương, xây dựng và hoàn thiện cơ chế hiệp đồng chấp pháp tương đối phù hợp, tránh xuất hiện những “vùng trắng”.

- Xây dựng cơ chế công tác giờ cao điểm như giờ tầm tan ca... Do đặc điểm đường phố thường xuất hiện hiện tượng vi phạm quy định như lấn chiếm vỉa hè buổi trưa và sau 6 giờ chiều, xây dựng cơ chế công tác giờ cao điểm cho nhân viên chấp pháp quản lý đô thị, quy định thời gian công tác của nhân viên chấp pháp quản lý đô thị là buổi trưa và sau 5 giờ chiều, áp dụng biện pháp tuần tra luân phiên, xử lý các hành vi vi phạm quy định.

- Xây dựng cơ chế đánh giá công tác quản lý đô thị một cách khoa học. Mời các chuyên gia hữu quan, đại biểu ủy ban nhân dân, ủy viên hội nghị hiệp thương, đại biểu hộ cư dân đánh giá tổng hợp công tác hàng năm của từng đơn vị chấp pháp theo biện pháp kiểm tra tương ứng, kết quả đánh giá là cơ sở để thưởng phạt cuối năm. Đồng thời, nó cũng là điều kiện tiền đề để quản lý gọi thầu năm sau. Phải chính đốn các đơn vị chấp pháp bị đánh giá kém.

3. *Đẩy mạnh sáng tạo cơ chế giáo dục tuyên truyền*

Ra sức tăng cường tuyên truyền giáo dục về pháp quy quản lý đô thị, tăng cường chỉ đạo hành vi của người dân thành phố. Thông qua các hình thức tuyên truyền trên vô tuyến, đài báo, các trang web..., nâng cao hiểu biết của nhân dân về công tác chấp pháp quản lý đô thị. Triệt để lợi dụng tác dụng của cộng đồng, tích cực giáo dục ý thức về môi trường đô thị, tăng cường tuyên truyền trong cộng đồng, tuyên truyền pháp quy quản lý đô thị, tăng cường ý thức đô thị, ý thức môi trường. Đồng thời, đưa tri thức quản lý đô thị vào chương trình giáo dục ở

trường học, tăng cường ý thức môi trường đô thị cho nhân dân, đặc biệt là cho thế hệ thanh niên.

4. *Tăng cường công tác lập pháp quản lý đô thị*

Đứng trước vấn đề còn tồn tại nhiều điểm khó và điểm nóng trong công tác chấp pháp và quản lý đô thị, thành phố đang tìm tòi tăng cường công tác đề ra và hoàn thiện pháp quy pháp luật địa phương về quản lý đô thị, thiết thực tăng cường tính cưỡng chế và hiệu quả trong công tác chấp pháp và quản lý đô thị.

Dương Ba

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng thành thị & nông

**THỨ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG CAO LẠI QUANG TIẾP VÀ LÀM VIỆC
VỚI THỨ TRƯỞNG BỘ ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG, GIAO THÔNG VÀ DU LỊCH
NHẬT BẢN NAYOSHI SATO**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2011



Thứ trưởng Cao Lại Quang tặng Thứ trưởng Nayoshi Sato quà lưu niệm



Toàn cảnh buổi làm việc giữa Thứ trưởng Cao Lại Quang và Thứ trưởng Nayoshi Sato